

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN – TNHH MTV

-----**Δ**-----

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

của Cơ sở:

“CAO ỐC VĂN PHÒNG

58-60 NGUYỄN TẤT THÀNH”

ĐỊA ĐIỂM: 58-60 NGUYỄN TẤT THÀNH, PHƯỜNG 13, QUẬN 4,
TP. HỒ CHÍ MINH

CHỦ CƠ SỞ

(Ký, ghi họ tên, chức vụ, đóng dấu)



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Huỳnh Ngọc Thông

TP.HCM, Tháng 8 Năm 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iii
DANH MỤC CÁC BẢNG	iv
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	5
1. Tên chủ cơ sở	5
2. Tên cơ sở	5
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	6
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	6
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở	7
3.3. Sản phẩm của cơ sở	9
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện nước của cơ sở	10
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	12
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	13
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	13
2. Sự phù hợp của cơ sở với khả năng chịu tải của môi trường	13
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	15
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	15
1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	15
1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	17
1.3. Xử lý nước thải	20
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	25
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	27
3.1. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	27
3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường	28
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường khác.....	28
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	28
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	30
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	30
6.1. Các giải pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường tại cơ sở.....	30
6.2. Sự cố môi trường và việc ứng phó và khắc phục sự cố môi trường xảy ra tại cơ sở	39
7. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường	40
8. Các nội dung thay đổi so với Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (Thông báo số 59/TB-UBND ngày 10/5/2012 của	

UBND Quận 4 về việc chấp nhận đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án “Cao ốc văn phòng 58-60 Nguyễn Tất Thành”)	40
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	41
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	41
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	42
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	43
4. Nội dung đề nghị cấp phép khác	44
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	45
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải	45
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải	46
CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	49
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	49
2. Chương trình quan trắc chất thải	49
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	49
2.1.1. Quan trắc nước thải	49
2.1.2. Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp	49
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	49
2.2.1. Quan trắc nước thải	49
2.2.2. Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp	49
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở	49
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	49
CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	51
CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	53

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

Phần viết tắt	Phần viết đầy đủ
ATLĐ	An toàn lao động
ANTT	An ninh trật tự
BTCT	Bê tông cốt thép
BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi trường
BOD	Nhu cầu oxy sinh hóa
BVMT	Bảo vệ môi trường
COD	Nhu cầu oxu hóa học
CTR	Chất thải rắn
KT-XH	Kinh tế -Xã hội
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TDS	Tổng chất rắn hòa tan
TTLL	Thông tin liên lạc
TSS	Tổng chất rắn lơ lửng
UBND	Ủy ban nhân dân
VN	Việt Nam
VSV	Vi sinh vật

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng I-1: Bảng tọa độ các điểm giới hạn ranh giới cơ sở.....	6
Bảng I-2: Bảng các chỉ tiêu quy hoạch – xây dựng – kinh tế của cơ sở	7
Bảng I-3: Bảng quy mô xây dựng – công năng Khối công trình chính	7
Bảng I-4: Bảng quy mô kiến trúc từng tầng Khối công trình chính	9
Bảng I-5: Nhu cầu dùng hóa chất trong vận hành hoạt động của dự án	11
Bảng III-1: Các công trình, biện pháp thu gom, thoát nước mưa của cơ sở	15
Bảng III-2: Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom nước thải của cơ sở	18
Bảng III-3: Thông số kỹ thuật Bể tự hoại 3 ngăn của cơ sở	21
Bảng III-4: Thông số kỹ thuật Trạm XLNT của cơ sở	24
Bảng III-5: Các công trình, biện pháp phòng ngừa giảm thiểu tác động bụi, khí thải của cơ sở	26
Bảng III-6: Danh sách CTNH của cơ sở đã được đăng ký, chấp nhận	28
Bảng III-7: Danh sách CTNH của cơ sở phát sinh thực tế trong năm 2023	29
Bảng III-8: Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của cơ sở	30
Bảng IV-1: Bảng thông số các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải của cơ sở	41
Bảng IV-2: Bảng thông số các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải của cơ sở	43
Bảng VI-1: Dự toán Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường cơ sở hằng năm.....	50
Bảng VII-1: Bảng tổng hợp kết quả kiểm tra, thanh tra đối với cơ sở trong 02 năm gần nhất (2022-2023).....	51

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên

- Địa chỉ văn phòng: 58-60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện: Ông Huỳnh Ngọc Thông

- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.

- Điện thoại: 08.38.255999; Fax: 08.38.255858; Email: cns@cns.com.vn

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0300713668, đăng ký lần đầu ngày 27/8/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 08/11/2021 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

2. Tên cơ sở

Cao ốc văn phòng 58-60 Nguyễn Tất Thành

- Địa điểm cơ sở: 58-60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần (nếu có):

+ Thông báo số 59/TB-UBND ngày 10/5/2012 của UBND Quận 4 về việc chấp nhận đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án “Cao ốc văn phòng 58-60 Nguyễn Tất Thành”.

+ Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, mã số QLCTNH 79.005473.T ngày 18/6/2015 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

- Văn bản pháp lý khác có liên quan đến cơ sở:

+ Quyết định số 4177/QĐ-UBND ngày 01/9/2011 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc cho Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên sử dụng đất tại số 58-60 Nguyễn Tất Thành và số 15/5 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4.

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0300713668, đăng ký lần đầu ngày 27/8/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 08/11/2021 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

+ Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK688377 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/7/2012.

- Quy mô của cơ sở (phân theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):
 - + Tương đương dự án nhóm C được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công quy định tại mục C.IV (dự án thuộc lĩnh vực quy định tại mục V Phần A: Trụ sở làm việc của các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị xã hội và tổ chức khác, vốn đầu tư dưới 45 tỷ) Phụ lục I Nghị định 40/2020/NĐ-CP;
 - + Không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;
 - + Không có yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;
 - + Thuộc Khoản 2, Điều 39, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và mục số I.2 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 1 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

- Tổng diện tích khu đất chưa trừ lộ giới: 831,20 m².
- Diện tích khu đất đã trừ lộ giới được chứng nhận quyền sử dụng đất: 748,10 m².
- Ranh giới dự án được xác định như sau:
 - + Phía Đông Bắc: giáp đường Nguyễn Tất Thành, lộ giới 30m.
 - + Phía Tây Nam: giáp hẻm 15 đường Đoàn Như Hải, lộ giới 10m.
 - + Các mặt còn lại: giáp các công trình hiện hữu.
- Các điểm mốc giới hạn ranh giới cơ sở được trình bày trong bảng sau:

Bảng I-1: Bảng tọa độ các điểm giới hạn ranh giới cơ sở

ĐIỂM	Hệ tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trực 105 ⁰ 45', múi chiếu 3 ⁰	
	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y
1	1190746,19	604407,07
2	1190723,28	604416,63
3	1190730,87	604434,00
4	1190723,07	604437,44
5	1190713,15	604415,12
6	1190717,10	604413,36
7	1190711,72	604401,03
8	1190738,96	604389,19

- Loại hình kinh doanh: trụ sở hoạt động văn phòng.
- Quy mô/công suất (Sức chứa): tối đa 670 người (Theo hồ sơ thiết kế và Bản cam kết BVMT của cơ sở); thực tế 170 ~ 200 người (theo Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023).
- Tần suất hoạt động: thường xuyên.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Cơ sở là một Cao ốc văn phòng đạt tiêu chuẩn và có cảnh quan đẹp thể hiện qua các nội dung sau:

✚ Tổng thể kiến trúc cảnh quan:

- Công trình chính là 1 khối block văn phòng:
 - + Phần móng cọc + tầng hầm: bố trí 02 tầng hầm (01 hầm chìm, 01 tầng bán hầm) làm bãi xe và các hệ thống kỹ thuật khối nhà.
 - + Phần thân: bố trí 12 tầng dành cho văn phòng.
- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật toàn khu:
 - + Đường giao thông + sân bãi, cây xanh.
 - + Hệ thống cấp điện + thông tin.
 - + Hệ thống cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải.
- Các hạng mục phụ:
 - + Cổng tường rào.
 - + Cảnh quan, sân vườn.

Bảng I-2: Bảng các chỉ tiêu quy hoạch – xây dựng – kinh tế của cơ sở

Khoản mục	Chỉ tiêu	Đơn vị
Diện tích khu đất chưa trừ lộ giới:	831,20	m ²
Diện tích khu đất đã trừ lộ giới:	748,10	m ²
Diện tích đất xây dựng công trình:	483,46	m ²
Mật độ xây dựng:	64,63	%
Tầng cao:	12	tầng
Diện tích sàn xây dựng 2 tầng hầm:	1.385,82	m ²
Hệ số sử dụng đất:	7,17	lần
Tổng diện tích sàn xây dựng (không tính hầm)	5.364,65	m ²
Diện tích thương phẩm văn phòng	4.023,38	m ²

✚ Hạng mục công trình chính:

- Khối nhà Cao ốc văn phòng gồm 02 tầng hầm và 12 tầng cao.

Bảng I-3: Bảng quy mô xây dựng – công năng Khối công trình chính

Tầng	Công năng	Số tầng	Đơn vị tính	Diện tích XD	Diện tích sàn
Tầng hầm	để xe + kỹ thuật	2	m ²	692,91	1.385,82
Tầng trệt	văn phòng	1	m ²	463,68	463,68

Tầng 2	văn phòng	1	m ²	447,03	447,03
Tầng 3	văn phòng	1	m ²	483,46	483,46
Tầng 4-9	văn phòng	6	m ²	481,70	2.890,20
Tầng 10	văn phòng	1	m ²	481,70	481,70
Tầng 11	văn phòng	1	m ²	325,05	325,05
Tầng 12	văn phòng	1	m ²	273,53	273,53
Tổng diện tích sàn (bao gồm hầm)			m ²		6.750,47

- Chiều cao tổng cộng từ cos ± 0.00 (cos nền sân trước bậc cấp tầng trệt – tương đương cao độ quốc gia +2.50m) đến đỉnh mái là 47,3 m gồm:

- + Hầm 2: 3,00 m
- + Hầm 1: 3,00 m
- + Tầng trệt: 4,60 m
- + Tầng 2 - 12: 3,50 m
- + Mái che thang trên sân thượng: 3,00 m

- Khoảng lùi công trình xây dựng so với lộ giới các tuyến đường:

- + Đường Nguyễn Tất Thành: ≥ 3 m
- + Hẻm 15, Đường Đoàn Như Hải: ≥ 3 m

- Khoảng lùi công trình xây dựng so với ranh đất các phía: $\geq 2,5$ m.

- Cao ốc văn phòng được bố trí 2 lối ra vào khác nhau từ đường Nguyễn Tất Thành và Đoàn Như Hải nhằm tạo nên luồng lưu thông an toàn cho công trình và tránh ùn tắc vào các giờ cao điểm.

- Các không gian giao thông: sảnh, hành lang, tiền phòng, diện tích liên thông, cầu thang các loại được bố trí đảm bảo chiếu sáng và thông thoáng tự nhiên, đảm bảo thoát hiểm tốt khi có sự cố, đảm bảo yêu cầu tiếp cận sử dụng cho người khuyết tật.

- Các lối thang bố trí thuận tiện về giao thông, thẩm mỹ và kỹ thuật đảm bảo cho thoát hiểm tốt.

- Hệ thống giao thông đứng gồm thang máy, thang bộ bố trí riêng biệt và diện tích phụ gồm các phòng kỹ thuật, vệ sinh, gen kỹ thuật cho các hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, PCCC, thông tin liên lạc, ... xuyên suốt các tầng. Nội dung bố trí công năng từng tầng như sau:

+ Tầng hầm 1+2: Ngoài các diện tích bố trí kỹ thuật phục vụ tòa nhà, phần lớn diện tích còn lại được bố trí để xe.

+ Tầng 1 – 12: Ngoài các diện tích như sảnh, thang máy, thang bộ, khu vệ sinh, phòng kỹ thuật, toàn bộ diện tích còn lại bố trí làm văn phòng.

Bảng I-4: Bảng quy mô kiến trúc từng tầng Khối công trình chính

Tầng	Diện tích sàn 1 tầng (m ²)	Văn phòng 1 (m ²)	Văn phòng 2 (m ²)	Số tầng	Diện tích thương phẩm (m ²)
Tầng trệt	463,68	96,50	201,93	1	298,43
Tầng 2	447,03	96,50	239,19	1	335,69
Tầng 3	483,46	131,11	239,19	1	370,30
Tầng 4-9	481,70	131,11	239,19	6	2.221,80
Tầng 10	481,70	131,11	239,19	1	370,30
Tầng 11	325,05	-	239,19	1	239,19
Tầng 12	273,53	-	187,67	1	187,67
Tổng					4.023,38

- Thang máy: Trong cao ốc có 2 thang máy với những đặc tính kỹ thuật sau:

Loại thang	Số lượng	Tải trọng	Số người	Tốc độ (m/s)	Kích thước cửa	Kích thước cabin	Kích thước hố thang	Số điểm dừng	Ghi chú
Tải khách	2	1000 kg	13	1.60	900	1400x1600	2000x2400	14	Thang không phòng máy

✚ Các hạng mục khác :

- Hệ thống giao thông nội bộ: giao thông cho xe, giao thông đi bộ, giao thông liên hệ.

- Hệ thống cây xanh: tận dụng các khu vực ranh lộ giới, khoảng lùi làm nên các mảng cây xanh tạo một môi trường trong lành, thoáng mát – đem lại màu xanh tươi trẻ, sinh động và là nơi làm việc lý tưởng. Trước lối vào tại mặt tiền đường Nguyễn Tất Thành tạo tiểu cảnh nước mang hơi mát trong lành và phong thủy tốt cho công trình.

- Các công trình hạ tầng khác: có hệ thống chiếu sáng, báo động, PCCC toàn khu và đến từng văn phòng, đảm bảo ánh sáng và an toàn cho công trình (sân đường, công trình, ...). Bố trí hệ thống điện thoại, mạng internet, trạm điện hợp lý thuận tiện đấu nối với hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực xung quanh.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Do là Trụ sở làm việc nên không có các hoạt động sản xuất.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện nước của cơ sở

+ Văn phòng phẩm

Văn phòng phẩm là tất cả vật dụng phục vụ cho mọi công việc tại văn phòng, bao gồm:

- Máy móc thiết bị văn phòng: Máy in trắng đen, máy in màu; Điện thoại cố định; Modem mạng; Máy Scan; Máy Fax; Máy Photocopy; Máy ép plastic; Máy tính văn phòng; Máy trình chiếu; Máy đếm tiền; Máy chấm công,...

- Nội thất văn phòng:

+ Bàn làm việc: Bàn làm việc cho nhân viên, bàn làm việc cho lãnh đạo, bàn phòng họp, bàn lễ tân...

+ Ghế: Bao gồm ghế làm việc cho nhân viên, ghế cho lãnh đạo, ghế đón tiếp khách, ghế chờ cho khách hàng...

+ Tủ hồ sơ, tủ tài liệu cho văn phòng, tủ bảo quản tư trang cho nhân viên...

- Đồ dùng văn phòng phẩm:

+ Bút viết (Bút bi màu xanh, bút lông bảng trắng, bút chì...)

+ Sổ tay (Sổ tay cỡ A5, sổ ghi chú công việc, sổ thu chi...)

+ Giấy in các kích cỡ (phổ biến nhất là giấy in cỡ A4)

+ Folder hồ sơ

+ Bìa trình ký

+ Giấy note và giấy ghi chú các loại

+ Cặp trình kính đựng tài liệu

+ Thước kẻ

+ Băng keo...

- Dụng cụ văn phòng phẩm:

+ Con dấu và mực con dấu

+ Ghim dập

+ Dao rọc giấy

+ Kéo cắt

+ Ghim cài

+ Súng bắn keo

+ Kẹp bướm

+ Ghim bấm...

+ Nhiên liệu

- Cơ sở có sử dụng nhiên liệu là dầu DO phục vụ cho hoạt động chạy máy phát điện dự phòng công suất 900KVA khi hệ thống điện lưới khu vực bị cúp.

- Nhu cầu sử dụng nhiên liệu cho máy phát điện hoạt động liên tục hết công suất trong 1 giờ là 200 lít dầu DO, lấy từ bồn dầu dung tích 2.000 lít đặt tại tầng hầm 1 (Theo hồ sơ thiết kế và Bản cam kết BVMT của cơ sở).

- Khối lượng nhiên liệu dầu DO sử dụng trong năm 2023 của cơ sở cho máy phát điện dự phòng là 1.000 lít (theo Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023).

⚡ Điện năng

- Nguồn cấp điện cho cơ sở là mạng lưới điện của TP.HCM, đấu nối tại đường dây điện 22(15)KV từ đường Nguyễn Tất Thành.

- Cơ sở sử dụng 01 máy biến áp 420KVA cho tải Điều hòa không khí và 01 máy biến áp 630KVA cho các tải còn lại.

- Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở tối đa là 820,3 KW/ngày (Theo hồ sơ thiết kế và Bản cam kết BVMT của cơ sở).

- Điện năng tiêu thụ thực tế của cơ sở trong năm 2023 là 421.716 KWh/năm, trung bình 35.143 KWh/tháng (theo Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023).

⚡ Nước cấp

- Nguồn cấp nước cho cơ sở là mạng lưới cấp nước của TP.HCM, đấu nối tại đường ống cấp nước từ đường Nguyễn Tất Thành.

- Cơ sở sử dụng hệ thống cấp nước có bồn nước mái dung tích 15m³, phòng bơm (bố trí 02 bơm sinh hoạt : 01 hoạt động & 01 dự phòng, mỗi bơm có Q= 10 m³/h, H= 80 m) và bể nước ngầm sinh hoạt + PCCC dung tích 120m³. Nước cấp từ hệ thống cấp nước TP.HCM qua đồng hồ nước vào lưu chứa tại bể nước ngầm sinh hoạt + PCCC, từ đây máy bơm sẽ bơm nước lên bồn nước trên mái và phân phối tới toàn công trình theo nguyên lý trọng lực.

- Nhu cầu dùng nước của cơ sở tối đa là 85 m³/ngày, trong đó nước dùng cho mục đích sinh hoạt là 27 m³/ngày; nước dùng phục vụ PCCC là 54 m³/ngày; nước dùng cho mục đích khác như tưới cây, rửa đường,... là 4 m³/ngày (Theo hồ sơ thiết kế và Bản cam kết BVMT của cơ sở).

- Lượng nước sử dụng thực tế của cơ sở trong năm 2023 là 2.955 m³/năm, trung bình 246 m³/tháng (theo Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023).

⚡ Hóa chất trong xử lý nước thải

- Mục đích sử dụng: Phục vụ các công đoạn xử lý nước thải của Trạm xử lý nước thải sinh hoạt 35 m³/ngày.đêm của cơ sở.

- Nguồn cấp: Mua từ các đơn vị cung cấp hóa chất xử lý nước thải tại địa phương.

- Nhu cầu dùng hóa chất của cơ sở được trình bày như bảng sau:

Bảng I-5: Nhu cầu dùng hóa chất trong vận hành hoạt động của dự án

TT	Tên hóa chất	Mục đích sử dụng	Lượng sử dụng	Lượng tiêu thụ
			g/m ³ nước thải	
I	Theo hồ sơ thiết kế và Bản cam kết BVMT của cơ sở			
1	Chlorine	Khử trùng nước thải	10	350 g/ngày
	TỔNG CỘNG (Tính theo ngày)			350 g/ngày
II	Thực tế hoạt động năm 2023 theo Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023			

1	Chlorine	Khử trùng nước thải	10	80 g/ngày
TỔNG CỘNG (Tính theo ngày)				80 g/ngày

✚ Phế liệu

Cơ sở không có sử dụng phế liệu.

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

✚ Tình hình thực hiện các nghĩa về bảo vệ môi trường của cơ sở

- Cơ sở đã có các công trình bảo vệ môi trường theo đúng nội dung Bản cam kết bảo vệ môi trường của “Cao ốc văn phòng 58-60 Nguyễn Tất Thành” đã được chấp nhận tại Thông báo số 59/TB-UBND ngày 10/5/2012 của UBND Quận 4.

- Cơ sở đã có Giấy phép môi trường thành phần là Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, mã số QLCTNH 79.005473.T ngày 18/6/2015 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp đến nay vẫn còn hiệu lực.

- Cơ sở đã thực hiện quan trắc chất thải, lập và nộp Báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo đúng quy định của Luật Môi trường, Bản cam kết bảo vệ môi trường đã phê duyệt trong suốt quá trình hoạt động cho đến nay, lần nộp báo cáo gần nhất (Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023) được Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM xác nhận là ngày 08/1/2024, được Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 4 xác nhận là ngày 09/1/2024.

- Cơ sở đã luôn vận hành tốt các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở trong suốt quá trình hoạt động cho đến nay, không có đề xảy ra bất kỳ sự cố môi trường nào.

✚ Đơn vị tư vấn lập báo cáo

Tên đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Khoáng Việt.

- Đại diện đơn vị tư vấn: Bà Nguyễn Thị Thu Trang Chức vụ: Giám đốc

- Địa chỉ trụ sở chính: số 1293, đường Lê Đức Thọ, phường 13, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.

- Địa chỉ văn phòng liên lạc: số 11, đường số 42, phường Tân Quy, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: 028.3775.2001; Fax: 028.3775.2003.

- Chủ nhiệm lập báo cáo: ThS. Huỳnh Tiến Đạt; ThS. Lê Thị Mỹ Thuận.

- Học vị: Thạc sĩ.

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Cơ sở hoạt động dựa trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0300713668, đăng ký lần đầu ngày 27/8/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 08/11/2021 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK688377 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/7/2012; đã có Bản cam kết bảo vệ môi trường được UBND Quận 4 chấp nhận tại Thông báo số 59/TB-UBND ngày 10/5/2012; đã có Giấy phép môi trường thành phần là Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, mã số QLCTNH 79.005473.T ngày 18/6/2015 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp đến nay vẫn còn hiệu lực; do đó, cơ sở hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường, phù hợp với các quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia đã được phê duyệt tại Quyết định số 1261/QĐ- TTg ngày 5/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Quy hoạch Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đang thực hiện; đồng thời đây là quy hoạch tích hợp các lĩnh vực Theo Luật Quy hoạch 2017, trong đó có lĩnh vực về bảo vệ môi trường để góp phần phát triển bền vững TP.HCM.

2. Sự phù hợp của cơ sở với khả năng chịu tải của môi trường

Cơ sở đã có Bản cam kết bảo vệ môi trường được UBND Quận 4 chấp nhận tại Thông báo số 59/TB-UBND ngày 10/5/2012; đã có Giấy phép môi trường thành phần là Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, mã số QLCTNH 79.005473.T ngày 18/6/2015 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp đến nay vẫn còn hiệu lực; theo đó, nội dung đã được đánh giá là không ảnh hưởng đáng kể đến môi trường; đến khả năng chịu tải của môi trường; hoạt động thu gom, thoát nước mưa và hoạt động thu gom, xử lý, thoát nước thải vào cống thoát nước thành phố tại đường Nguyễn Tất Thành; cũng như hoạt động thoát khí thải máy phát điện dự phòng; hoạt động lưu giữ, bàn giao đơn vị chức năng xử lý chất thải sinh hoạt, CTNH của cơ sở không có thay đổi, tuân thủ theo đúng nội dung đã được cấp phép, đã được phê duyệt.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

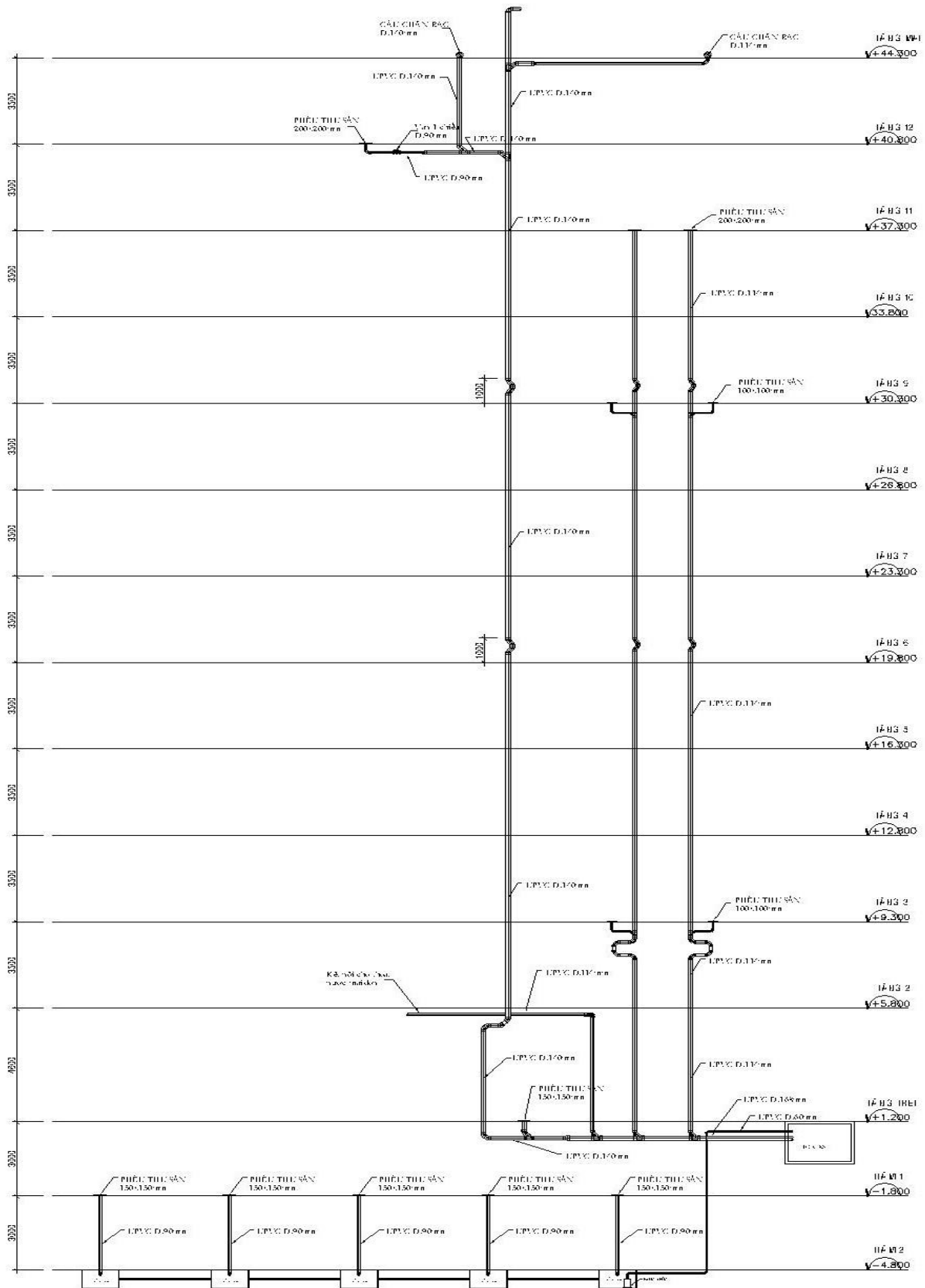
- Cơ sở đã thực hiện các công trình, biện pháp thu gom, thoát nước mưa trong hoạt động cao ốc văn phòng đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường được chấp nhận trong Bản cam kết bảo vệ môi trường dự án.

- Các công trình, biện pháp thu gom, thoát nước mưa đã thực hiện được tổng hợp trong bảng sau:

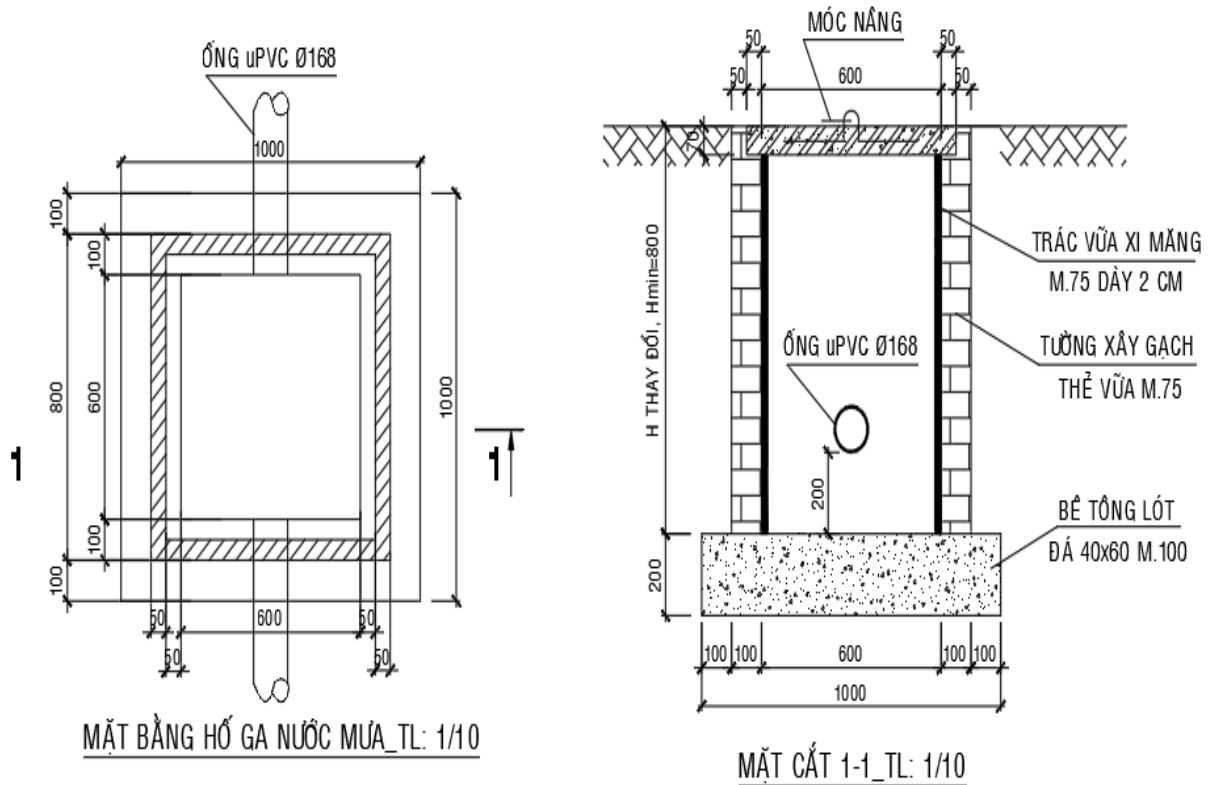
Bảng III-1: Các công trình, biện pháp thu gom, thoát nước mưa của cơ sở

TT	Công trình, biện pháp thu gom, thoát nước mưa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Vị trí điểm thoát nước mưa ra môi trường
1	<p>- Đã xây dựng hệ thống cống thoát nước mưa riêng với hệ thống thoát nước thải.</p> <p>- Nước mưa từ tầng mái gom về ống đứng qua các phễu thu, các ống đứng thoát nước mưa sẽ dẫn lượng mưa thu gom đến các hố ga bố trí xung quanh Tòa nhà. Từ hố ga nước mưa được thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực</p>	<p>- Lưu lượng thoát nước thiết kế: tối đa 25,5 lít/s</p> <p>- Thông số kỹ thuật hệ thống thoát nước mưa Tòa nhà:</p> <p>+ Thoát nước mái nhà: Ống đứng uPVC D140 mm và cầu chắn rác D140mm</p> <p>+ Thoát nước mưa các tầng cao: Ống đứng uPVC D114 mm và các phễu thu sàn 200x200mm; 100x100mm</p> <p>+ Thoát nước mưa các tầng hầm: Ống đứng uPVC D90 mm; các phễu thu sàn 150x150mm; hố ga thu nước thoát sàn hầm tiết điện 800x800, cao 1m; bơm thoát nước sàn hầm.</p> <p>- Thông số kỹ thuật hệ thống thoát nước mưa xung quanh Tòa nhà thoát ra nguồn tiếp nhận:</p> <p>+ Ống dẫn thoát nước mưa uPVC D168 mm.</p> <p>+ Hố ga nước mưa tiết điện 800x800, chiều cao thay đổi đảm bảo độ dốc hệ thống thoát tự chảy I = 1-2%.</p>	<p>Cống thoát nước khu vực tại đường Nguyễn Tất Thành (Tọa độ X = 1190726; Y = 604441)</p>
2	<p>Thường xuyên kiểm tra, làm vệ sinh khơi thông dòng chảy tại các</p>	<p>Thực hiện định kỳ 6 tháng/lần và sau các đợt mưa lớn/ngập (nếu có)</p>	

	hồ ga, công thoát nước mưa	
--	----------------------------	--



Hình III.1: Sơ đồ nguyên lý Hệ thống thoát nước mưa của cơ sở



Hình III.2: Chi tiết Hồ ga thoát nước mưa

1.2. Thu gom, thoát nước thải

Theo đánh giá nhận diện nguồn thải và tác động đã được chấp nhận trong Bản cam kết bảo vệ môi trường và theo thực tế hoạt động cao ốc văn phòng thì nước thải phát sinh do hoạt động cao ốc văn phòng của cơ sở có đặc tính như sau:

- Nước thải phát sinh tại cơ sở là nước thải sinh hoạt, nguồn phát sinh là từ hoạt động sinh hoạt cá nhân của khách hàng và nhân viên khi làm việc văn phòng tại cơ sở. Cơ sở không có phát sinh nước thải sản xuất.

- Lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tối đa là 27 m³/ngày, bằng 100% lượng nước cấp cho sinh hoạt (Theo hồ sơ thiết kế và Bản cam kết BVMT của cơ sở).

- Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh thực tế trong năm 2023 là 2.360 m³/năm, trung bình khoảng 8 m³/ngày (tính trên 300 ngày làm việc thực tế trong năm).

Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở đã có hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng nội dung Bản cam kết bảo vệ môi trường đã được chấp nhận, cụ thể như sau:

🔧 Công trình thu gom nước thải:

- Cơ sở đã có hệ thống thu gom nước thải theo đúng nội dung Bản cam kết bảo vệ môi trường đã được chấp nhận với nguyên lý thu gom nước thải như sau:

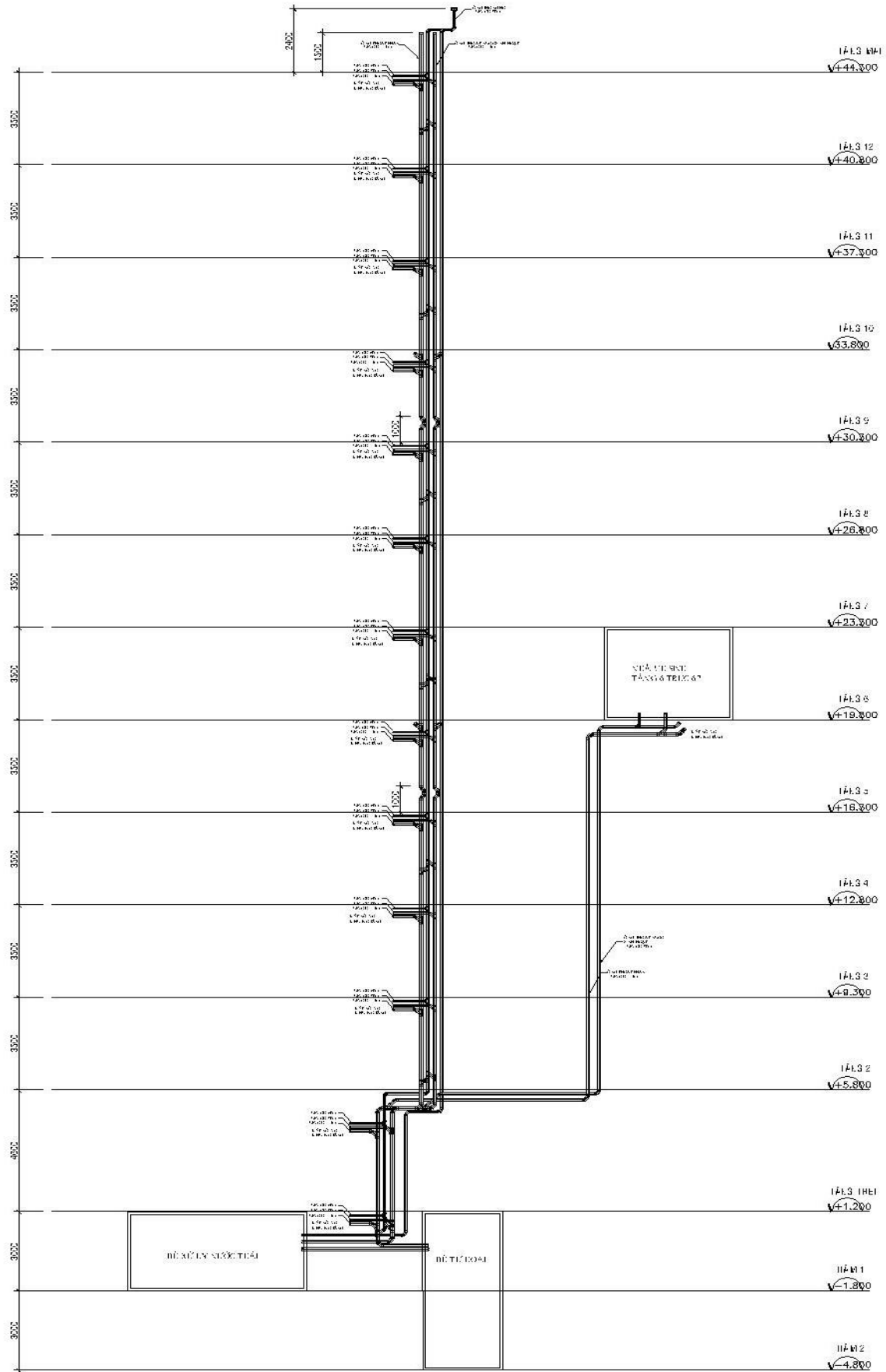
- + Nước thải từ các lavabo, phễu thu sàn được thu dẫn từ ống nhánh tới ống đứng thoát nước sinh hoạt rồi đưa về xử lý tập trung tại Trạm xử lý nước thải sinh hoạt 35 m³/ngày.đêm của cơ sở đặt tại tầng hầm Tòa nhà.

+ Nước bẩn từ tiểu treo, bồn cầu được dẫn từ ống nhánh tới ống đứng thoát phân rồi vào Bể tự hoại 3 ngăn để xử lý cục bộ trước khi đưa qua xử lý tập trung tại Trạm xử lý nước thải sinh hoạt 35 m³/ngày.đêm của cơ sở đặt tại tầng hầm Tòa nhà.

- Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom nước thải của cơ sở được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng III-2: Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom nước thải của cơ sở

TT	Hệ thống thu gom nước thải	Thông số kỹ thuật cơ bản	Công trình xử lý tiếp nhận nước thải
1	Hệ thống thu gom Nước thải từ các lavabo, phễu thu sàn, bồn tắm, bồn rửa bếp dẫn về công trình xử lý nước thải	- Hệ thống ống nhánh uPVC D90mm và các phụ kiện để thu gom nước thải từ vị trí phát sinh (lavabo, phễu thu sàn) vào ống đứng thoát nước sinh hoạt. - Hệ thống ống đứng thoát nước sinh hoạt uPVC D114mm thông hết chiều cao Tòa nhà thu dẫn nước thải từ hệ thống ống nhánh về công trình xử lý nước thải tập trung là Trạm xử lý nước thải sinh hoạt 35 m ³ /ngày.đêm của cơ sở.	Trạm xử lý nước thải sinh hoạt 35 m ³ /ngày.đêm của cơ sở đặt tại tầng hầm Tòa nhà
2	Hệ thống thu gom Nước bẩn từ tiểu treo, xí bệt dẫn về công trình xử lý nước thải	- Hệ thống ống nhánh uPVC D114mm và các phụ kiện để thu gom nước thải từ vị trí phát sinh (tiểu treo, bồn cầu) vào ống đứng thoát phân. - Hệ thống ống đứng thoát phân uPVC D114mm thông hết chiều cao Tòa nhà thu dẫn nước thải từ hệ thống ống nhánh về Bể tự hoại 3 ngăn để xử lý cục bộ trước khi đưa qua xử lý tập trung tại Trạm xử lý nước thải sinh hoạt 35 m ³ /ngày.đêm của cơ sở.	Bể tự hoại 3 ngăn; Trạm xử lý nước thải sinh hoạt 35 m ³ /ngày.đêm



Hình III.3: Sơ đồ nguyên lý Hệ thống thu gom nước thải về công trình xử lý nước thải của cơ sở

✚ Công trình thoát nước thải:

Cơ sở đã có hệ thống thoát nước thải sau xử lý của công trình xử lý nước thải tập trung là Trạm xử lý nước thải sinh hoạt 35 m³/ngày.đêm dẫn thoát xả thải vào nguồn tiếp nhận bên ngoài là cống thoát nước khu vực tại đường Đoàn Như Hải theo đúng nội dung Bản cam kết bảo vệ môi trường đã được chấp nhận với nguyên lý và thông số công trình thoát nước thải sau xử lý như sau:

- Nước thải sinh hoạt sau xử lý của Trạm xử lý nước thải sinh hoạt 35 m³/ngày.đêm đạt QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K = 1,2) theo đường ống bơm nước thải đầu ra dẫn thoát xả thải vào nguồn tiếp nhận bên ngoài là cống thoát nước chung của thành phố tại hố ga tại hẻm 15 đường Đoàn Như Hải, Quận 4.

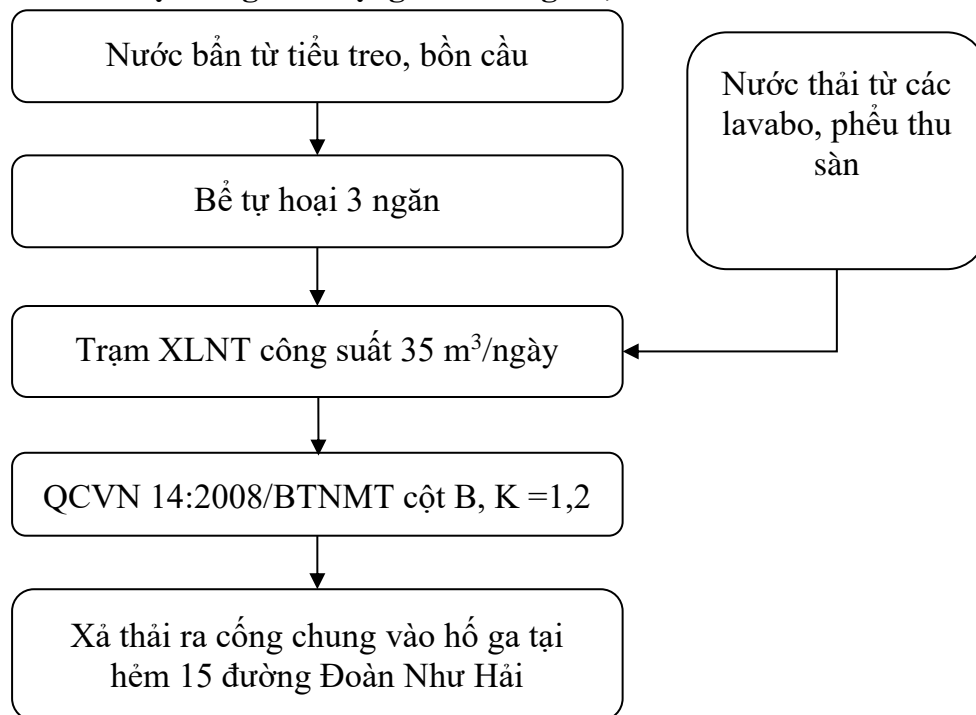
- Đường ống dẫn thoát xả thải nước thải sau xử lý vào nguồn tiếp nhận là đường ống uPVC D60mm có áp, dài khoảng 5m. Trên đường ống có bố trí vòi lấy mẫu phục vụ công tác lấy mẫu kiểm tra, đánh giá đáp ứng quy định hiện hành của hoạt động xử lý nước thải phát sinh tại cơ sở.

✚ Điểm xả nước thải sau xử lý:

- Nguồn tiếp nhận nước thải: cống thoát nước chung của thành phố tại hố ga tại hẻm 15 đường Đoàn Như Hải, Quận 4.

- Vị trí đầu nối thoát nước thải vào hố ga tại hẻm 15 đường Đoàn Như Hải, Quận 4 có tọa độ: X = 1190732; Y = 604388.

✚ Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải:



Hình III.4: Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải của cơ sở

1.3. Xử lý nước thải

- Cơ sở đã có công trình xử lý nước thải theo đúng nội dung Bản cam kết bảo vệ môi trường đã được chấp nhận, bao gồm: Bể tự hoại 3 ngăn và Trạm xử lý nước thải sinh hoạt 35 m³/ngày.đêm.

- Cơ sở không thuộc đối tượng phải có công trình, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

- Thông số kỹ thuật của các công trình xử lý nước thải của cơ sở như sau:

✚ Bể tự hoại 3 ngăn:

- Chức năng: Xử lý sơ bộ Nước bẩn từ tiểu treo, xí bệt (nước thải phân) để loại bỏ một phần các chất ô nhiễm và cặn lắng. Nước thải sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn sẽ được dẫn về Trạm xử lý nước thải sinh hoạt 35 m³/ngày.đêm để xử lý tập trung cùng với các nước thải sinh hoạt khác.

- Quy mô, công suất: Bể tự hoại 3 ngăn được xây dựng theo quy chuẩn của Bộ Xây Dựng. Bể tự hoại có tổng dung tích là 35m³, gồm 3 ngăn, có dạng hình chữ nhật.

Bảng III-3: Thông số kỹ thuật Bể tự hoại 3 ngăn của cơ sở

TT	Ngăn chức năng	Dung tích xử lý (m ³)	Kích thước
1	Ngăn lắng và lên men cặn lắng	15	1,75m x 1,55m x cao 5,7m
2	Ngăn lọc	10	1,55m x 1,20m x cao 5,7m
3	Ngăn chứa nước	10	1,55m x 1,20m x cao 5,7m
	Cộng	35	

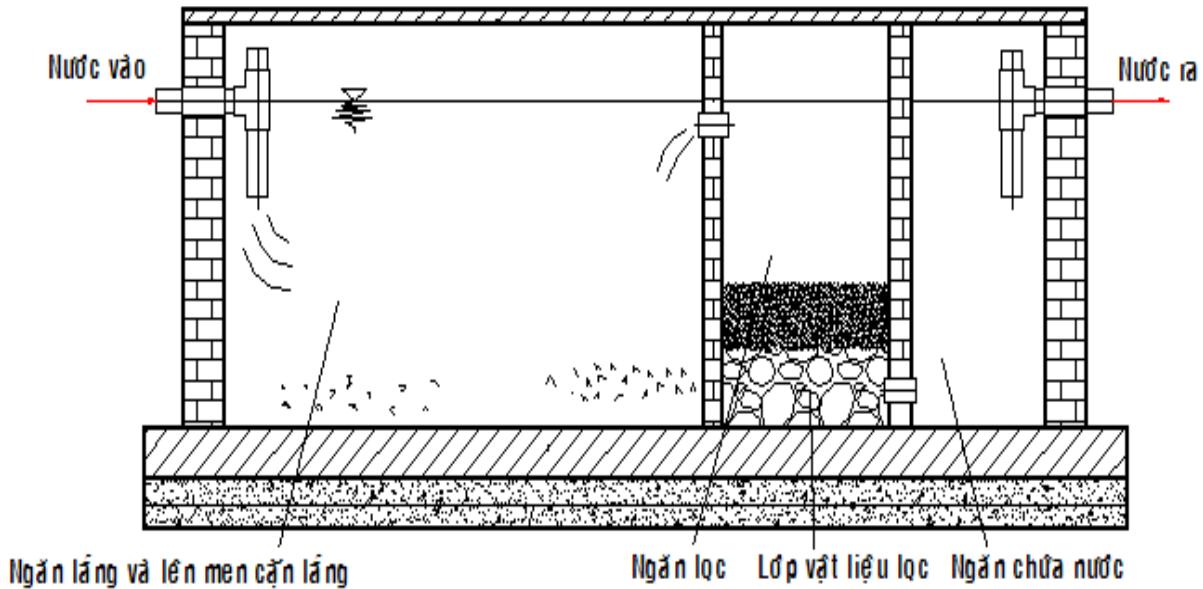
- Vị trí bố trí: tại tầng hầm Tòa nhà (liên tầng: tầng hầm 1 + tầng hầm 2)

- Công nghệ và nguyên lý vận hành:

+ Bể hoạt động với công nghệ chính là lắng và phân hủy cặn lắng bằng vi sinh vật.

+ Bể tự hoại bao gồm 3ngăn, lần lượt là ngăn lắng và lên men cặn lắng → ngăn lọc → ngăn chứa nước. Tại bể, các chất cặn lơ lửng dần dần lắng xuống đáy bể. Thời gian lưu bùn trong bể khoảng 12 tháng, các chất hữu cơ bị phân hủy dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ sẽ bị phân hủy từ từ, một phần tạo thành chất khí và một phần thành chất vô cơ hòa tan.

+ Sau đó, nước thải sinh hoạt thoát ra ngoài theo ống dẫn. Lượng bùn dư sau thời gian lưu thích hợp sẽ được thuê xe hút chuyên dùng (loại xe hút hầm cầu). Trong bể tự hoại có ống thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí và để thông các ống đầu vào, đầu ra khi bị nghẹt.

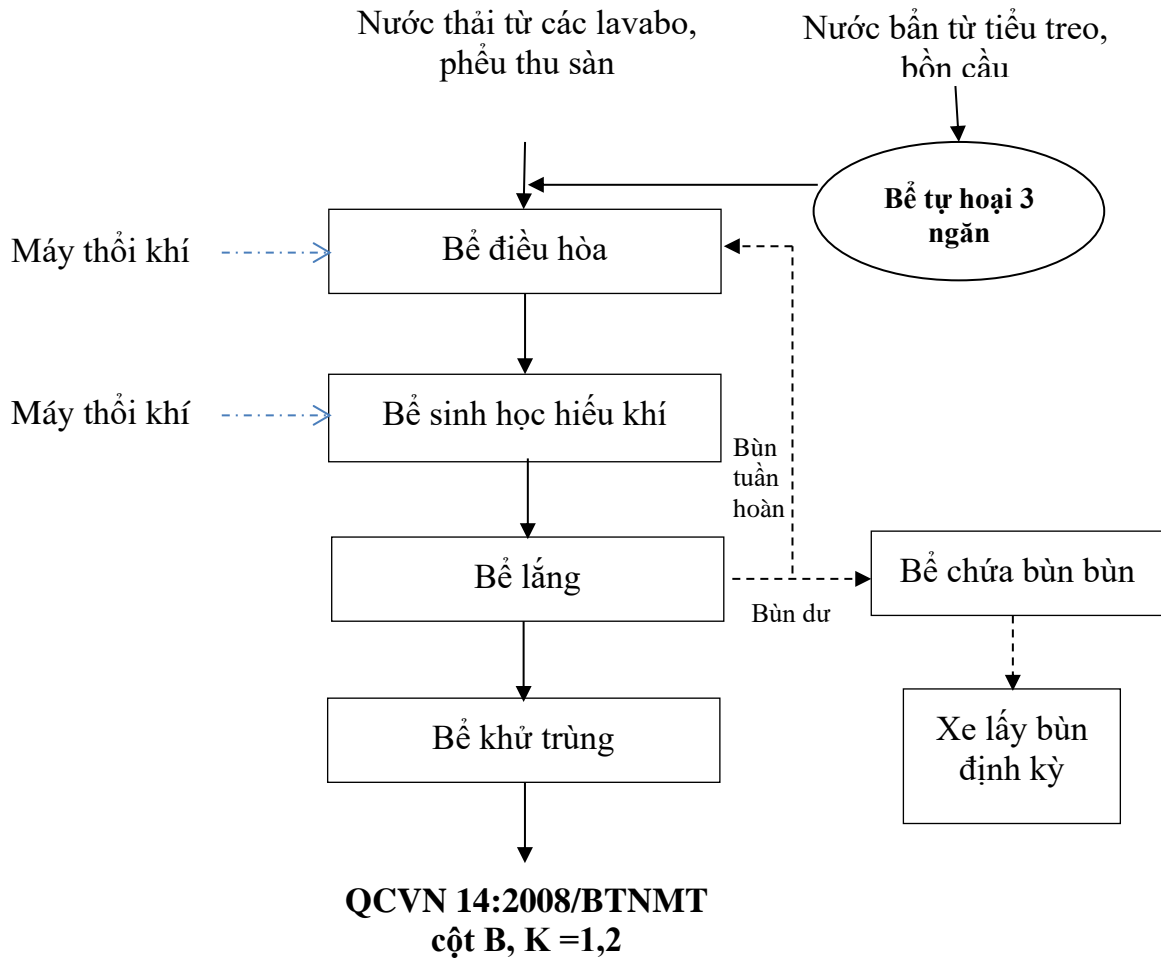


Hình III.5: Nguyên lý cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn của cơ sở

✚ Trạm xử lý nước thải sinh hoạt:

- Chức năng: Xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở đạt quy chuẩn môi trường hiện hành là QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B (xả thải vào các nguồn nước không được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt), K = 1,2 (Mục 2, Bảng 2: Văn phòng quy mô diện tích sử dụng dưới 10.000m²).

- Quy mô, công suất: 01 trạm, công suất xử lý 35 m³/ngày.đêm.
- Vị trí bố trí: tại tầng hầm Tòa nhà (tầng hầm 2).
- Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải:



Hình III.6: Nguyên lý sơ đồ công nghệ Trạm XLNT của cơ sở

- Thuyết minh công nghệ:

+ Bể điều hòa: bể có tác dụng tiếp nhận các nguồn nước thải ổn định lưu lượng và nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải.

+ Bể sinh học hiếu khí: nước thải qua quá trình tiếp xúc và hòa trộn với các vi sinh vật trong bể bùn hoạt tính, thông qua quá trình hô hấp nội bào và chuyển hóa chất hữu cơ của vi sinh vật, COD sẽ được loại bỏ qua quá trình lắng cơ học ở giai đoạn sau.

+ Bể lắng: áp dụng nguyên tắc lắng trọng lực để loại bỏ các vật chất nặng và bùn cặn, nước mặt sẽ được đưa đến bể khử trùng, bùn lắng ở đáy bể sẽ được bơm tuần hoàn về bể khử nito, bùn dư sẽ được bơm đến bể tiêu bùn.

+ Bể khử trùng: Bể này có nhiệm vụ tiêu diệt vi sinh vật còn sót lại trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

+ Bể chứa bùn: Tiếp nhận lượng bùn sinh ra từ đáy của các bể lắng. Tại đây, một phần bùn sẽ được bơm tuần hoàn về bể sinh học hiếu khí, một phần bùn dư sẽ được chuyển giao cho Đơn vị thu gom có chức năng. Phần nước sau khi tách bùn sẽ được tuần hoàn trở lại bể điều hòa để tiếp tục xử lý.

- Thông số kỹ thuật:

Bảng III-4: Thông số kỹ thuật Trạm XLNT của cơ sở

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Chức năng
I	Phần các bể xây dựng			
1	Bể điều hòa	12 m ³	01 bể	Ổn định nồng độ, lưu lượng nước thải
2	Bể sinh học hiếu khí	20 m ³	01 bể	Phân hủy các chất hữu cơ có trong nước thải bằng vi sinh vật
3	Bể lắng	6,9 m ³	01 bể	Lắng các bông bùn hoạt tính sinh ra
4	Bể khử trùng	2,5 m ³	01 bể	Loại bỏ vi sinh vật gây bệnh trong nước
5	Bể chứa bùn	5,8 m ³	01 bể	Chứa bùn từ bể lắng
6	Phòng. Thiết bị	4,0m ²	01 phòng	Đặt các thiết bị xử lý nước thải
II	Phần máy móc, thiết bị công nghệ			
1	Song chắn rác	Inox 304, tiết diện 330x330mm	01 cái	Loại bỏ rác các kích thước lớn đầu vào
2	Bơm điều hòa	Bơm chìm bể điều hòa, Q = 10-12 m ³ /h	02 cái	Bơm điều hòa nước thải từ bể điều hòa sang bể sinh học
3	Bơm hóa chất	Bơm định lượng, Q = 15 lít/h	01 cái	Bơm định lượng hóa chất khử trùng vào bể khử trùng
4	Bơm bùn	Bơm nổi, Q = 4-5 m ³ /h	01 cái	Bơm bùn từ bể lắng tuần hoàn về bể sinh học và bùn dư về bể chứa bùn
5	Máy thổi khí		02 cái	Cung cấp khí cho bể điều hòa và bể sinh học hiếu khí
6	Bơm nước thải đầu ra	Bơm chìm bể khử trùng, Q = 10-12 m ³ /h	02 cái	Bơm nước thải sau xử lý ra khỏi Trạm XLNT xả thải vào nguồn tiếp nhận
7	Bồn chứa hóa chất khử trùng	Bồn nhựa UPVC 2.000 lít	01 cái	Chứa hóa chất khử trùng

8	Ống lắng trung tâm	Nhựa uPVC	01 cái	Lắng bùn tại bể lắng
9	Hệ thống đường ống nước công nghệ	Ống nhựa uPVC & phụ kiện	01 hệ thống	Phân phối, dẫn nước thải đi xử lý qua các bể
10	Hệ thống phân phối khí	Ống STK, uPVC, ống phân phối khí & phụ kiện	01 hệ thống	Phân phối khí từ máy thổi khí vào bể điều hòa và bể sinh học hiếu khí
11	Hệ thống điện động lực	Dây dẫn động lực cho máy bơm, máy thổi khí	01 hệ thống	Cung cấp điện cho các thiết bị điện
12	Hệ thống điện điều khiển	MCB, khởi động từ, role,...	01 hệ thống	Điều khiển hoạt động các thiết bị điện

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

- Theo đánh giá nhận diện nguồn thải và tác động đã được chấp nhận trong Bản cam kết bảo vệ môi trường và theo thực tế hoạt động cao ốc văn phòng thì bụi, khí thải phát sinh do hoạt động cao ốc văn phòng của cơ sở gồm:

+ Bụi và khí thải từ phương tiện giao thông ra vào cơ sở: phát thải khi có phương tiện giao thông ra vào cơ sở, không thường xuyên; phạm vi ảnh hưởng cục bộ tại vị trí cổng tiếp đón – sân bãi xe; tác động không đáng kể và nằm trong quy định, quy chuẩn kỹ thuật của phương tiện giao thông, của môi trường làm việc.

+ Bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng: phát thải khi điện lưới quốc gia bị cúp và vận hành chạy máy phát điện dự phòng để cấp điện cho hoạt động cơ sở, không thường xuyên; lưu lượng khói thải khoảng $3.784 \div 4.300\text{m}^3/\text{h}$; phạm vi ảnh hưởng cục bộ tại vị trí đặt máy phát điện dự phòng và vị trí xả khói thải; tác động không đáng kể và nằm trong quy định, quy chuẩn kỹ thuật của thiết bị, của môi trường làm việc.

+ Mùi hôi từ hoạt động xử lý nước thải, lưu chứa rác thải: phát thải khi các bể xử lý nước thải, thiết bị lưu chứa rác thải không đảm bảo kín, không vận hành đúng kỹ thuật, đúng công năng; phạm vi ảnh hưởng cục bộ tại vị trí đặt các bể xử lý nước thải, thiết bị lưu chứa rác thải; tác động không đáng kể và nằm trong quy định, quy chuẩn kỹ thuật của hoạt động xử lý nước thải, lưu chứa rác thải, của môi trường làm việc.

- Cơ sở đã thực hiện các công trình, biện pháp phòng ngừa giảm thiểu tác động bụi, khí thải trong hoạt động cao ốc văn phòng của cơ sở đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường được chấp nhận trong Bản cam kết bảo vệ môi trường.

- Cơ sở không thuộc đối tượng phải có công trình, thiết bị quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục.

- Các công trình, biện pháp phòng ngừa giảm thiểu tác động bụi, khí thải của cơ sở đã thực hiện được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng III-5: Các công trình, biện pháp phòng ngừa giảm thiểu tác động bụi, khí thải của cơ sở

TT	Loại, tính chất bụi, khí thải	Công trình, biện pháp phòng ngừa giảm thiểu tác động bụi, khí thải thực hiện	Tiêu chuẩn/Quy chuẩn môi trường
1	Bụi và khí thải từ phương tiện giao thông ra vào cơ sở	<ul style="list-style-type: none"> - Tất cả các phương tiện giao thông ra vào cơ sở đều phải đăng ký tại phòng bảo vệ và không cho phép các phương tiện không được đăng kiểm cho phép sử dụng ra vào cơ sở. - Vệ sinh và phun nước thường xuyên đường giao thông cơ sở khi thời tiết khô nóng. - Khuôn viên công có bố trí bồn/chậu cây giúp tạo cảnh quan và điều hòa không khí. - Bãi xe tòa nhà tại tầng hầm có hệ thống điều hòa không khí. 	<ul style="list-style-type: none"> - QCVN 05:2023/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;
2	Bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng máy phát điện dự phòng đạt quy định, quy chuẩn về khói thải và có chứng nhận chất lượng (CO/CQ) - Máy phát điện dự phòng được đặt trong vỏ bọc ngăn cách và có hệ thống thoát khói có thông số kỹ thuật như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Lưới mắt cáo bao quanh; + Vỏ bọc glasswool dày 50 tỷ trọng 32kg/m³; + Hệ thống thoát khói từ máy phát điện dự phòng tại tầng hầm tòa nhà thoát lên tầng sân thượng, bao gồm: giá đỡ ống khói thép U100; cùm ống khói inox dày 3mm; ống khói Inox D250 x 3mm; nón che mưa đỉnh ống khói Inox D600 x 3mm. - Tọa độ vị trí xả khói thải máy phát điện ra môi trường không khí bên ngoài: X = 1190737; Y = 604394. 	<ul style="list-style-type: none"> - QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bụi – Giới hạn giá trị tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; - QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.
3	Mùi hôi từ hoạt động xử lý nước thải, lưu chứa rác thải	<ul style="list-style-type: none"> - Các công trình bể xử lý nước thải (Bể tự hoại 3 ngăn, Trạm XLNT sinh hoạt 35 m³/ngđ) được xây dựng kiên cố, kín, chống mùi, chống tràn tại các tầng hầm Tòa nhà và có đường ống thông khí giúp khử mùi và điều hòa không khí. 	

		<p>- Các thiết bị lưu chứa rác thải của cơ sở là các thùng rác nắp kín, và được phân loại lưu chứa rác theo quy định giúp ngăn phát sinh và lan truyền mùi ra bên ngoài thiết bị.</p> <p>- Có cán bộ nhân viên thường xuyên kiểm tra, quản lý hoạt động xử lý nước thải, lưu chứa rác thải đảm bảo vận hành hiệu quả, đúng quy định.</p>	
--	--	--	--

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

- Theo đánh giá nhận diện nguồn thải và tác động đã được chấp nhận trong Bản cam kết bảo vệ môi trường và theo thực tế hoạt động cao ốc văn phòng thì chất thải rắn sinh hoạt phát sinh do hoạt động cao ốc văn phòng của cơ sở có đặc tính như sau:

+ Nguồn phát sinh chất thải sinh hoạt (rác) chủ yếu từ hoạt động của nhân viên làm việc tại Văn phòng.

+ Thành phần: giấy, nilon, bao bì, rác hữu cơ, thực phẩm thừa...

+ Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tối đa là 200 kg/ngày (Theo hồ sơ thiết kế và Bản cam kết BVMT của cơ sở).

+ Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh thực tế trong năm 2023 là 18 tấn/năm, trung bình khoảng 60 kg/ngày (tính trên 300 ngày làm việc thực tế trong năm).

- Hoạt động lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại cơ sở trong hoạt động cao ốc văn phòng đã thực hiện các công trình, biện pháp đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường được chấp nhận trong Bản cam kết bảo vệ môi trường, cụ thể:

+ Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn thành 3 loại là Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; Chất thải thực phẩm và Chất thải rắn sinh hoạt khác theo quy định của Luật BVMT năm 2020.

+ Thu gom phân loại tại nguồn và lưu giữ hàng ngày trong các thiết bị thùng chứa nắp kín dung tích 10 lít, 15 lít, 20 lít,... bố trí tại các phòng chức năng, hành lang Tòa nhà và hành lang khuôn viên cơ sở.

+ Bố trí điểm tập kết CTR thông thường có sàn bê tông, có mái che và vách đảm bảo che mưa, che nắng theo quy định.

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng của địa phương là Công ty Dịch vụ công ích Quận 4 định kỳ hàng ngày đến cơ sở thực hiện thu gom đưa chất thải rắn sinh hoạt ra khỏi cơ sở đi xử lý theo đúng quy định.

+ Trang bị kiến thức và thói quen về giữ vệ sinh môi trường, phân loại rác tại nguồn, bỏ rác đúng nơi quy định cho tập thể cán bộ nhân viên.

+ Bố trí lực lượng cán bộ nhân viên vệ sinh đảm trách kiểm tra, quản lý việc thu gom lưu giữ và bàn giao xử lý chất thải rắn sinh hoạt của cơ sở đảm bảo hiệu quả, đúng quy định.

3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

Hoạt động cao ốc văn phòng của cơ sở là dùng làm trụ sở văn phòng Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên, không có quá trình hoạt động sản xuất nên không có phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường.

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường khác

- Rác ngoại cảnh từ hoạt động chăm sóc hệ thống tiểu cảnh, bồn/chậu cây hay bụi đất cát từ hoạt động vệ sinh khuôn viên hành lang, sân đường trong khuôn viên cơ sở được xem như là Chất thải rắn sinh hoạt khác nên được thu gom lưu giữ và xử lý như đã nêu tại mục 3.1 phía trên.

- Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải được lắng tách nước và cô đặc ngay tại bể chứa bùn của Trạm XLNT sinh hoạt công suất 35m³/ngày đêm của cơ sở và định kỳ 06 tháng/lần hoặc khi thấy bể chứa bùn đầy thì sẽ được cơ sở thuê xe hút bùn đến thu gom bơm hút ra khỏi hệ thống và vận chuyển ra khỏi cơ sở đi xử lý theo đúng quy định của Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-SXD ngày 27/4/2020 của Bộ Xây dựng: Nghị định về thoát nước và xử lý nước thải.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Theo Bản cam kết bảo vệ môi trường; Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH 79.005473.T và theo thực tế hoạt động cao ốc văn phòng thì CTNH phát sinh do hoạt động cao ốc văn phòng của cơ sở có đặc tính như sau:

+ Nguồn phát thải: chất thải có chứa thành phần nguy hại phát sinh trong hoạt động văn phòng.

+ Khối lượng, chủng loại và đặc tính của các CTNH của cơ sở đã được đăng ký, chấp nhận được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng III-6: Danh sách CTNH của cơ sở đã được đăng ký, chấp nhận

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	25	16 01 06
2	Dầu động cơ, hộp số, bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	20	17 02 03
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	10	18 02 01
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	3	18 02 03
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn	Rắn	3	18 01 02

6	Pin, ắc quy thải	Rắn	5	16 02 12
7	Hộp mực in thải có thành phần nguy hại	Rắn	20	08 02 04
	Tổng số lượng		86	

+ Thực tế phát sinh CTNH của cơ sở trong năm 2023 được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng III-7: Danh sách CTNH của cơ sở phát sinh thực tế trong năm 2023

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	15	16 01 06
2	Dầu động cơ, hộp số, bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	0	17 02 03
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	5	18 02 01
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	0	18 02 03
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn	Rắn	0	18 01 02
6	Pin, ắc quy thải	Rắn	1	16 02 12
7	Hộp mực in thải có thành phần nguy hại	Rắn	179	08 02 04
	Tổng số lượng		200	

- Hoạt động lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại tại cơ sở trong hoạt động cao ốc văn phòng đã thực hiện các công trình, biện pháp đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường được chấp nhận trong Bản cam kết bảo vệ môi trường và Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH 79.005473.T, cụ thể:

+ Bố trí các thùng thu gom riêng CTNH có dán nhãn mác, nắp đậy kín dung tích 10 lít, 15 lít, 20 lít,... bố trí trong khuôn viên toàn nhà tại vị trí thích hợp.

+ Bố trí điểm tập kết CTNH có sàn bê tông, có mái che và vách đảm bảo che mưa, che nắng theo như quy định.

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng của địa phương là Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị TP.HCM (Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.013.VX) đảm trách thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH của cơ sở (Hợp đồng kinh tế số 4793/HĐ.MTĐT-

NH/23.4.VX ngày 31/7/2023 với tần suất thu gom là 6 tháng/lần, dự kiến tháng 01 và 07/2024).

+ Trang bị kiến thức nhận biết CTNH và thực hiện phân loại rác tại nguồn để riêng CTNH và CTR thông thường cho tập thể cán bộ nhân viên.

+ Bố trí lực lượng cán bộ nhân viên vệ sinh đảm trách kiểm tra, quản lý việc bàn giao CTNH của cơ sở đảm bảo hiệu quả, đúng quy định.

+ Lập, bảo quản và lưu giữ chứng từ CTNH theo quy định.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Trong quá trình hoạt động cao ốc văn phòng, cơ sở đã thực hiện các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường được chấp nhận trong Bản cam kết bảo vệ môi trường, cụ thể như trình bày trong bảng sau:

Bảng III-8: Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của cơ sở

TT	Loại tiếng ồn, độ rung	Các công trình, biện pháp giảm thiểu thực hiện	Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng
1	Tiếng ồn, rung do hoạt động của máy phát điện dự phòng	<ul style="list-style-type: none"> - Đặt máy phát điện trong vỏ buồng bao che cách âm, chống rung có cấu tạo 3 lớp: lớp thép dày 2mm, lớp rockwool tỷ trọng 100kg/m³, lớp tole đục lỗ sơn tĩnh điện dày 0,48mm. - Gắn thiết bị Pô giảm âm bằng thép D700xL2000x2,5mm bọc glasswool dày 50mm tỷ trọng 32 kg/m³ cho máy phát điện. - Gắn ống nhún Inox D114 dày 0,6mm và gắn sao su giảm rung tại chân đế đặt máy phát điện. - Gắn tấm tiêu âm đầu vào và đầu ra cho buồng đặt máy phát điện. 	<ul style="list-style-type: none"> - QCVN 26:2010/ BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. - QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc. - QCVN 27:2010/ BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.
2	Tiếng ồn, độ rung do hoạt động của các máy móc thiết bị văn phòng	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các máy móc thiết bị văn phòng có chứng nhận, chứng chỉ tiêu chuẩn theo quy định, ưu tiên sử dụng loại có độ ồn rung thấp. - Định kỳ thực hiện bảo dưỡng máy móc thiết bị văn phòng đảm bảo luôn trong trạng thái tốt, an toàn và hiệu quả trong sử dụng. 	<ul style="list-style-type: none"> - QCVN 27/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung – Giá trị cho phép tại nơi làm việc.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Các giải pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường tại cơ sở

Trong quá trình hoạt động cao ốc văn phòng, cơ sở đã thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa cũng như bố trí nhân lực, vật lực và đảm bảo luôn trong tình trạng sẵn sàng ứng phó sự cố theo nội dung biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro sự

cố trong hoạt động cao ốc văn phòng đã được chấp thuận trong Bản cam kết bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

a) Các giải pháp phòng ngừa sự cố môi trường

☒ Phòng ngừa các sự cố về nước thải, khí thải

- Hệ thống điện, tủ điện đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật. Thường xuyên kiểm tra sự hoạt động của máy móc thiết bị, hệ thống cung cấp điện cho toàn bộ hệ thống;

- Đề phòng ngừa sự cố Trạm xử lý tạm ngừng hoạt động do hư hỏng thiết bị. Tại Cao ốc trang bị đầy đủ các máy móc thiết bị dự phòng như máy bơm, máy khuấy, máy châm hóa chất,... để thay thế kịp thời khi sự cố xảy ra. Sau khi sự cố được khắc phục, toàn bộ lượng nước thải sẽ tạm chứa trong các bể chứa nước PCCC;

- Kiểm tra hoạt động của đường ống thu gom khí thải máy phát điện, kiểm tra hoạt động của hệ thống phun đốt nhiên liệu;

- Hóa chất sử dụng cho hệ thống và máy móc, thiết bị dự phòng được đặt trong nhà vận hành có mái che, sàn riêng biệt, gờ chống tràn;

- Nhân viên vận hành được đào tạo về các vấn đề liên quan đến thiết kế kỹ thuật trạm xử lý, cách vận hành cũng như các sự cố thường gặp và phương án ứng phó với từng trường hợp, hạn chế thấp nhất các sự cố đáng tiếc xảy ra do thiếu hiểu biết.

- Định kỳ duy tu bảo dưỡng thiết bị, máy móc;

- Tuân theo đúng quy trình vận hành kỹ thuật chuẩn đã được phê duyệt;

- Định kỳ tiến hành công tác nạo vét các hố ga thoát nước thải, nước mưa;

- Trong Trạm xử lý hoặc lân cận có bố trí thiết bị phòng cháy, chữa cháy, cát, chăn thấm...

☒ Phòng ngừa các sự cố về chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

➤ Chất thải rắn thông thường

- Chủ yếu là phát sinh CTR sinh hoạt tại khu vực nhà ăn, văn phòng. Tại Cao ốc đã bố trí thùng chứa rác có nắp đậy dung tích từ 12 – 120 lít tại các khu vực văn phòng, nhà ăn. Định kỳ cuối ngày được vận chuyển về điểm tập kết CTR thông thường chờ chuyển giao.

- Bố trí điểm tập kết CTR thông thường. Khu điểm tập kết CTR thông thường có sàn bê tông, có mái che và vách đảm bảo che mưa, che nắng theo như quy định.

- Cơ sở duy trì ký hợp đồng dịch vụ với đơn vị có chức năng để thu gom CTR thông thường xử lý theo quy định.

➤ Chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại phát sinh được quản lý đúng theo hướng dẫn của Nghị định và Thông tư hiện hành.

- Việc quản lý, lưu giữ chất thải nguy hại của Cao ốc văn phòng thực hiện cụ thể như sau:

+ Từng loại chất thải nguy hại được dán mã CTNH theo danh mục CTNH.

+ Mặt sàn trong khu vực điểm tập kết CTNH bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

+ Có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực điểm tập kết CTNH, có biện pháp hoặc thiết kế để hạn chế gió trực tiếp vào bên trong.

+ Khu vực điểm tập kết CTNH được bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn (có gờ chống tràn).

+ Bố trí vách ngăn riêng biệt đối với từng loại chất thải phát sinh tại Cao ốc văn phòng;

+ Bố trí thiết bị PCCC và liệu hấp thụ (như cát khô, mùn cưa, chặn thấm) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng.

- Trong quá trình giao nhận chất thải nguy hại với đơn vị thu gom, xử lý theo hợp đồng ký kết, Cơ sở phải tuân thủ quy định giao nhận và lưu trữ chứng từ quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định nhằm kiểm tra, xác nhận chất thải nguy hại trong quá trình thu gom, vận chuyển, lưu giữ, xử lý, tiêu hủy có đến đúng điểm, cơ sở theo quy định của hợp đồng.

🚒 Phòng ngừa cháy nổ, an toàn PCCC

- Công tác PCCC của Cao ốc văn phòng được thực hiện theo các quy định hiện hành về PCCC và Phương án PCCC đã được Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH phê duyệt

- Cao ốc Văn phòng đã được thiết kế, bố trí các cửa thoát hiểm nhằm đảm bảo cho Nhân viên thoát ra ngoài được an toàn khi có sự cố cháy nổ xảy ra.

- Trong Cao ốc văn phòng được bố trí cửa thông gió và tường cách ly để tránh tình trạng cháy lan theo tường hoặc theo mái; các tầng đều lắp đặt hệ thống báo cháy. Các phương tiện phòng chống cháy luôn được kiểm tra thường xuyên và luôn ở trong tình trạng sẵn sàng.

- Bể chứa nước cứu hỏa phải luôn luôn đầy nước, đường ống dẫn nước cứu hỏa đến các họng lấy nước cứu hỏa phải luôn luôn ở trong tình trạng sẵn sàng làm việc. Lượng nước trung bình cung cấp liên tục 15 l/s trong 3 giờ.

- Các hạng mục dễ cháy như kho nhiên liệu, vật tư, bồn chứa dầu... được lắp hệ thống cửa cách ly, và được đảm bảo một không gian cách ly an toàn.

- Máy móc thiết bị được sắp xếp đảm bảo trật tự, gọn và khoảng cách an toàn cho Nhân viên làm việc khi có cháy nổ xảy ra.

- Các thiết bị có nguy cơ gây nổ cao được kiểm định và kiểm tra định kỳ đúng theo quy định từ các đơn vị kiểm định có chức năng.

- Hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây tia lửa phải được bố trí an toàn.

- Quy định cấm Nhân viên hút thuốc lá trong các khu vực.

- Tất cả các hạng mục công trình trong Cao ốc văn phòng đều được bố trí các vật liệu cứu hỏa, bao gồm bình CO₂ vật dập lửa và các vật liệu khác thang chữa cháy. Những vật liệu này được đặt tại các vị trí thích hợp nhất để tiện việc sử dụng và thường xuyên tiến hành kiểm tra sự hoạt động tốt của bình CO₂.

- Tại cao ốc văn phòng còn thường xuyên tuyên truyền, giáo dục ý thức phòng cháy chữa cháy cho cán bộ Nhân viên viên bằng cách dán băng rôn, băng hiệu đề phòng sự cố cháy. Huấn luyện cho toàn thể cán bộ Nhân viên viên các biện pháp phòng cháy chữa cháy khi có sự cố xảy ra.

- Cao ốc văn phòng sẽ tuân thủ theo Luật Phòng cháy Chữa cháy, tuân thủ các tiêu chuẩn và các quy định về Phòng cháy Chữa cháy.

🚒 Phòng ngừa sự cố hóa chất, tràn dầu

- Kiểm tra định kỳ các khu vực lưu chứa hóa chất, dầu nhằm phát hiện các điểm rò rỉ hay không đảm bảo an toàn.

- Tất cả các loại hóa chất đều có nhãn cảnh báo, MSDS luôn có sẵn tại khu chứa hóa chất.
- Các loại hóa chất được mua từ nhà cung cấp có uy tín, chứa trong các dụng cụ an toàn. Khu lưu chứa đảm bảo an toàn cách xa các nguồn nhiệt, điện, được rào chắn chỉ có nhân viên có phân công mới có thể vào.
- Đầy đủ các dụng cụ ứng phó khi có sự cố hóa chất và trong tình trạng tốt.
- Nhân viên phụ trách tại khu vực chứa hóa chất được huấn luyện an toàn và có khả năng ứng phó khi có sự cố.
- Đối với hóa chất thuộc Danh mục tiền chất công nghiệp (nếu có) thì Cao ốc văn phòng có lập sổ theo dõi việc sử dụng theo quy định.
- Trang bị trang thiết bị bảo hộ lao động phù hợp cho người lao động khi sử dụng hóa chất.
- Sử dụng nối đất chống tĩnh điện tại khu vực bồn chứa dầu.
- Các thiết bị có nguy cơ gây nổ cao được kiểm định và kiểm tra định kỳ đúng theo quy định từ các đơn vị kiểm định có chức năng.

b) Các biện pháp ứng phó và khắc phục sự cố môi trường

🚧 Biện pháp ứng phó các sự cố về nước thải, khí thải

Sự cố môi trường	Nguyên nhân	Biện pháp ứng phó và khắc phục		
		Mức độ nguy cơ gây ô nhiễm		
		Thấp	Trung bình	Cao
		Sự cố nhỏ, có thể khắc phục nhanh chóng, ít có nguy cơ phát tán gây ô nhiễm	Sự cố mức độ nghiêm trọng trung bình, cần tập trung nguồn lực ứng phó, cần có khoảng thời gian khắc phục, khả năng nguy cơ phát tán gây ô nhiễm	Sự cố mức độ nghiêm trọng cao, nguồn lực nội bộ chưa thể đáp ứng, thời gian khắc phục kéo dài, khả năng nguy cơ phát tán gây ô nhiễm cao
- Nước thải, dung dịch thải rò rỉ, chảy tràn ra môi trường bên ngoài, chảy tràn vào hệ thống thoát nước mưa	Do đường ống dẫn, thu gom bị vỡ hay rò rỉ	- Cô lập cục bộ khu vực bị sự cố; - Bơm hút nước thải bị ứ đọng hay nước thải đã chảy tràn vào hệ thống thoát nước mưa (nếu có) dẫn vào hố ga nước thải gần nhất để dẫn về hố thu gom	- Cô lập cục bộ khu vực bị sự cố; - Bơm hút nước thải bị ứ đọng hay nước thải đã chảy tràn vào hệ thống thoát nước mưa (nếu có) dẫn vào hố ga nước thải gần nhất để dẫn về hố thu gom của Trạm xử lý; - Nhanh chóng điều tiết lại lưu lượng xả nước	- Cô lập cục bộ khu vực bị sự cố; - Bơm hút nước thải bị ứ đọng hay nước thải đã chảy tràn vào hệ thống thoát nước mưa (nếu có) dẫn vào hố ga nước thải gần nhất để dẫn về hố thu gom của Trạm xử lý; - Nhanh chóng điều tiết lại lưu lượng xả nước
	Do nghẹt rác làm tắc nghẽn cục bộ	- Cô lập cục bộ khu vực bị sự cố; - Bơm hút nước thải bị ứ đọng hay nước thải đã chảy tràn vào hệ thống thoát nước mưa (nếu có) dẫn vào hố ga nước thải gần nhất để dẫn về hố thu gom	- Cô lập cục bộ khu vực bị sự cố; - Bơm hút nước thải bị ứ đọng hay nước thải đã chảy tràn vào hệ thống thoát nước mưa (nếu có) dẫn vào hố ga nước thải gần nhất để dẫn về hố thu gom của Trạm xử lý; - Nhanh chóng điều tiết lại lưu lượng xả nước	- Cô lập cục bộ khu vực bị sự cố; - Bơm hút nước thải bị ứ đọng hay nước thải đã chảy tràn vào hệ thống thoát nước mưa (nếu có) dẫn vào hố ga nước thải gần nhất để dẫn về hố thu gom của Trạm xử lý; - Nhanh chóng điều tiết lại lưu lượng xả nước
	Do đầu nối đường ống nước thải vào nước mưa	- Cô lập cục bộ khu vực bị sự cố; - Bơm hút nước thải bị ứ đọng hay nước thải đã chảy tràn vào hệ thống thoát nước mưa (nếu có) dẫn vào hố ga nước thải gần nhất để dẫn về hố thu gom	- Cô lập cục bộ khu vực bị sự cố; - Bơm hút nước thải bị ứ đọng hay nước thải đã chảy tràn vào hệ thống thoát nước mưa (nếu có) dẫn vào hố ga nước thải gần nhất để dẫn về hố thu gom của Trạm xử lý; - Nhanh chóng điều tiết lại lưu lượng xả nước	- Cô lập cục bộ khu vực bị sự cố; - Bơm hút nước thải bị ứ đọng hay nước thải đã chảy tràn vào hệ thống thoát nước mưa (nếu có) dẫn vào hố ga nước thải gần nhất để dẫn về hố thu gom của Trạm xử lý; - Nhanh chóng điều tiết lại lưu lượng xả nước

Sự cố môi trường	Nguyên nhân	Biện pháp ứng phó và khắc phục		
		Mức độ nguy cơ gây ô nhiễm		
		Thấp	Trung bình	Cao
		Sự cố nhỏ, có thể khắc phục nhanh chóng, ít có nguy cơ phát tán gây ô nhiễm	Sự cố mức độ nghiêm trọng trung bình, cần tập trung nguồn lực ứng phó, cần có khoảng thời gian khắc phục, khả năng nguy cơ phát tán gây ô nhiễm	Sự cố mức độ nghiêm trọng cao, nguồn lực nội bộ chưa thể đáp ứng, thời gian khắc phục kéo dài, khả năng nguy cơ phát tán gây ô nhiễm cao
	Các bể xử lý thành phần bị rò rỉ, hư vỡ...	<p>của Trạm xử lý;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhanh chóng sửa chữa, thay thế đường ống bị hư hỏng. 	<p>thải trong khả năng tự;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạm thời giảm thiểu tối đa nước cấp không cần thiết để giảm thiểu lượng nước thải đến khi khắc phục xong sự cố; - Nhanh chóng sửa chữa, thay thế đường ống bị hư hỏng. 	<p>thải đến khi khắc phục xong sự cố;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhanh chóng sửa chữa, thay thế đường ống bị hư hỏng;
Thiết bị, máy móc của Trạm xử lý bị hư hỏng	Nhóm thiết bị bơm nước, thiết bị khuấy trộn bị hư hay cháy	<ul style="list-style-type: none"> - Nhanh chóng điều tiết lại lưu lượng xả nước thải trong khả năng khi sự cố có thể khắc phục nhanh chóng; 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhanh chóng điều tiết lại lưu lượng xả nước thải trong khả năng hoặc tạm ngưng xả thải tạm thời khi sự cố cần có thời gian khắc phục lâu; 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhanh chóng điều tiết lại lưu lượng xả nước thải trong khả năng hoặc tạm ngưng xả thải tạm thời khi sự cố cần có thời gian khắc phục lâu;
	Nhóm thiết bị cung cấp khí cho vi sinh vật bị hư hay cháy	<ul style="list-style-type: none"> - Tuần hoàn nước thải tại bể có sự cố về lại bể điều hòa để đảm bảo chất lượng nước xả thải; 	<ul style="list-style-type: none"> - Tạm thời giảm thiểu tối đa nước cấp không cần thiết để giảm thiểu lượng nước thải đến khi khắc phục xong sự cố; 	<ul style="list-style-type: none"> - Tạm thời giảm thiểu tối đa nước cấp không cần thiết để giảm thiểu lượng nước thải đến khi khắc phục xong sự cố;
	Nhóm thiết bị bơm hóa chất bị hư hay cháy	<ul style="list-style-type: none"> - Nhanh chóng sửa chữa, thay thế thiết bị bị hư hỏng; 	<ul style="list-style-type: none"> - Tuần hoàn nước thải tại bể có sự cố về lại bể điều hòa để đảm bảo chất lượng nước xả thải, cố gắng tích trữ nước thải trong bể điều hòa, tuần hoàn nước trong hệ xử lý hoặc tạm bơm vào bể chứa nước PCCC; 	<ul style="list-style-type: none"> - Tuần hoàn nước thải tại bể có sự cố về lại bể điều hòa để đảm bảo chất lượng nước xả thải, cố gắng tích trữ nước thải trong bể điều hòa, tuần hoàn nước trong hệ xử lý hoặc tạm bơm vào bể chứa nước PCCC;
	Sự cố điện hay hư hỏng thiết bị đột ngột → Nhanh chóng ngắt cầu dao	<ul style="list-style-type: none"> - Với các quá trình sinh học cần cung cấp không khí cho 	<ul style="list-style-type: none"> - Với các quá trình sinh học cần cung cấp không khí cho 	<ul style="list-style-type: none"> - Với các quá trình sinh học cần cung cấp không khí cho

Sự cố môi trường	Nguyên nhân	Biện pháp ứng phó và khắc phục		
		Mức độ nguy cơ gây ô nhiễm		
		Thấp	Trung bình	Cao
		Sự cố nhỏ, có thể khắc phục nhanh chóng, ít có nguy cơ phát tán gây ô nhiễm	Sự cố mức độ nghiêm trọng trung bình, cần tập trung nguồn lực ứng phó, cần có khoảng thời gian khắc phục, khả năng nguy cơ phát tán gây ô nhiễm	Sự cố mức độ nghiêm trọng cao, nguồn lực nội bộ chưa thể đáp ứng, thời gian khắc phục kéo dài, khả năng nguy cơ phát tán gây ô nhiễm cao
	điện và thực hiện các biện pháp ứng cứu như phần “Ứng cứu sự cố cháy nổ” trước	vi sinh vật nếu thiết bị cung cấp khí thay thế trong thời gian lâu thì cần ưu tiên hạ độ cao mực nước, tăng bề mặt làm thoáng, dùng khí nén hay đảo trộn để đảm bảo vi sinh vật không bị chết.	trong hệ xử lý hoặc tạm bơm vào bể chứa nước PCCC; - Nhanh chóng sửa chữa, thay thế thiết bị bị hư hỏng; - Với các quá trình sinh học cần cung cấp không khí cho vi sinh vật nếu thiết bị cung cấp khí thay thế trong thời gian lâu thì cần ưu tiên hạ độ cao mực nước, tăng bề mặt làm thoáng, dùng khí nén hay đảo trộn để đảm bảo vi sinh vật không bị chết.	cấp khí thay thế trong thời gian lâu thì cần ưu tiên hạ độ cao mực nước, tăng bề mặt làm thoáng, dùng khí nén hay đảo trộn để đảm bảo vi sinh vật không bị chết; - Sau khi khắc phục sự cố, đánh giá kiểm tra chất lượng bùn hoạt tính vi sinh (nếu có), nếu chưa đảm bảo thì bổ sung bùn đã hoạt hóa ổn định thì các Trạm xử lý khác (các Trạm XLNT khác, Trạm XLNT tập trung....)
Do quá trình vận hành	Hệ vi sinh trong bể sinh học bị chết, vật liệu xử lý (màng bám vi sinh, vật liệu lọc...) bị hư hỏng			
	Hóa chất không đạt yêu cầu / pha không đúng quy định			
	Do vận hành sai quy trình chuẩn			
Trạm xử lý nước thải xử lý không đạt quy định xả thải	Lượng nước thải xả thải quá công suất thiết kế	- Để tránh sự cố quá tải, khi thiết kế, Cao ốc văn phòng cũng đã tính toán hệ số an toàn cho trạm XLNT (công	- Tạm thời giảm thiểu tối đa nước cấp không cần thiết để giảm thiểu lượng nước thải đến khi khắc phục xong sự cố;	- Tạm thời giảm thiểu tối đa nước cấp không cần thiết để giảm thiểu lượng nước thải đến khi khắc phục xong sự cố; - Tuân hoàn nước thải tại bể có sự cố về lại bể điều hòa để đảm bảo chất lượng
	Lưu lượng vận hành			

Sự cố môi trường	Nguyên nhân	Biện pháp ứng phó và khắc phục		
		Mức độ nguy cơ gây ô nhiễm		
		Thấp	Trung bình	Cao
		Sự cố nhỏ, có thể khắc phục nhanh chóng, ít có nguy cơ phát tán gây ô nhiễm	Sự cố mức độ nghiêm trọng trung bình, cần tập trung nguồn lực ứng phó, cần có khoảng thời gian khắc phục, khả năng nguy cơ phát tán gây ô nhiễm	Sự cố mức độ nghiêm trọng cao, nguồn lực nội bộ chưa thể đáp ứng, thời gian khắc phục kéo dài, khả năng nguy cơ phát tán gây ô nhiễm cao
	<p>đưa nước vào trạm xử lý lớn hơn công suất thiết kế</p> <p>Quy trình công nghệ xử lý không hiệu quả do hàm lượng chất ô nhiễm thay đổi nồng độ so với thiết kế</p> <p>Quy trình công nghệ xử lý không hiệu quả do có nguồn xả thải mới với thành phần ô nhiễm khác</p>	<p>suất thiết kế cao hơn lưu lượng nước thải tính toán, lưu lượng nước thải tính toán luôn lấy số liệu cao nhất là khi sản xuất đạt công suất tối đa), nồng độ các chất ô nhiễm dùng làm thông số thiết kế cũng ở mức cao;</p> <p>- Lưu lượng thiết kế cao hơn lưu lượng xả thải tối đa theo tính toán để đảm bảo hệ thống vẫn đáp ứng được khi lưu lượng tăng cao.</p>	<p>- Tuần hoàn nước thải tại bể có sự cố về lại bể điều hòa để đảm bảo chất lượng nước xả thải, , cố gắng tích trữ nước thải trong bể điều hòa, tuần hoàn nước trong hệ xử lý hoặc tạm bơm vào bể chứa nước PCCC;</p> <p>- Đánh giá lại nồng độ/tính chất ô nhiễm của nguồn thải phát sinh, nồng độ chất ô nhiễm tại bể điều hòa;</p> <p>- Cao ốc văn phòng sẽ tạm ngưng hoàn toàn sản xuất đến khi hoàn thành việc khắc phục sửa chữa;</p> <p>- Trường hợp nước thải không đạt quy định xả thải: Cao ốc văn phòng sẽ tự kiểm tra, khắc phục hoặc thuê đơn vị có chuyên môn tiến hành xác định nguyên nhân, tùy từng nguyên nhân sẽ tiến hành các giải pháp cải tạo, khắc phục để nước thải đạt quy định xả thải. Đồng thời có báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường để được hỗ trợ, hướng dẫn.</p>	<p>nước xả thải, , cố gắng tích trữ nước thải trong bể điều hòa, tuần hoàn nước trong hệ xử lý hoặc tạm bơm vào bể chứa nước PCCC;</p> <p>- Đánh giá lại nồng độ/tính chất ô nhiễm của nguồn thải phát sinh, nồng độ chất ô nhiễm tại bể điều hòa;</p> <p>- Cao ốc văn phòng sẽ tạm ngưng hoàn toàn sản xuất đến khi hoàn thành việc khắc phục sửa chữa;</p> <p>- Trường hợp nước thải không đạt quy định xả thải: Cao ốc văn phòng sẽ tự kiểm tra, khắc phục hoặc thuê đơn vị có chuyên môn tiến hành xác định nguyên nhân, tùy từng nguyên nhân sẽ tiến hành các giải pháp cải tạo, khắc phục để nước thải đạt quy định xả thải. Đồng thời có báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường để được hỗ trợ, hướng dẫn.</p>
Trạm xử lý phải ngưng hoàn toàn để sửa	Các bể thành phần trong trạm xử lý bị hư,	---	- Nhanh chóng điều tiết lại lưu lượng xả nước thải trong khả	- Tạm thời giảm thiểu tối đa nước cấp không cần thiết để giảm thiểu lượng nước

Sự cố môi trường	Nguyên nhân	Biện pháp ứng phó và khắc phục		
		Mức độ nguy cơ gây ô nhiễm		
		Thấp	Trung bình	Cao
		Sự cố nhỏ, có thể khắc phục nhanh chóng, ít có nguy cơ phát tán gây ô nhiễm	Sự cố mức độ nghiêm trọng trung bình, cần tập trung nguồn lực ứng phó, cần có khoảng thời gian khắc phục, khả năng nguy cơ phát tán gây ô nhiễm	Sự cố mức độ nghiêm trọng cao, nguồn lực nội bộ chưa thể đáp ứng, thời gian khắc phục kéo dài, khả năng nguy cơ phát tán gây ô nhiễm cao
chữa trong thời gian dài	bể làm gián đoạn 1 công đoạn xử lý		năng hoặc tạm ngưng xả thải tạm thời khi sự cố cần có thời gian khắc phục lâu; - Tạm thời giảm thiểu tối đa nước cấp không cần thiết để giảm thiểu lượng nước thải đến khi khắc phục xong sự cố; - Tuần hoàn nước thải tại bể có sự cố về lại bể điều hòa để đảm bảo chất lượng nước xả thải, cố gắng tích trữ nước thải trong bể điều hòa, tuần hoàn nước trong hệ xử lý hoặc tạm bơm vào bể chứa nước PCCC; - Nhanh chóng sửa chữa các thành phần bị hư hỏng;	thải đến khi khắc phục xong sự cố; - Cao ốc văn phòng sẽ tạm ngưng đến khi hoàn thành việc khắc phục sửa chữa; - Trường hợp nước thải không đạt quy định xả thải: Cao ốc văn phòng sẽ tự kiểm tra, khắc phục hoặc thuê đơn vị có chuyên môn tiến hành xác định nguyên nhân, tùy từng nguyên nhân sẽ tiến hành các giải pháp cải tạo, khắc phục để nước thải đạt quy định xả thải, đồng thời có báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường để được hỗ trợ, hướng dẫn.
	Các bể thành phần trong trạm xử lý bị hư, bể làm gián đoạn hoàn toàn quá trình xử lý	---		
Hóa chất cho trạm xử lý chảy tràn	Thùng chứa, đường ống dẫn hư hỏng vỡ	Thực hiện các biện pháp ứng cứu sự cố như đã trình bày trong mục “Ứng phó sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất” - Dùng chất hấp thụ (cát, vôi...) hoặc bơm hút/gào múc để ngăn chặn sự lan tràn của hóa chất/ dầu; - Sử dụng thiết bị trợ với loại hóa chất gây sự cố để thu gom tràn đổ; - Đảm bảo tuân thủ hoàn toàn an toàn quy định bảo hộ;		

		Biện pháp ứng phó và khắc phục		
		Mức độ nguy cơ gây ô nhiễm		
		Thấp	Trung bình	Cao
Sự cố môi trường	Nguyên nhân	Sự cố nhỏ, có thể khắc phục nhanh chóng, ít có nguy cơ phát tán gây ô nhiễm	Sự cố mức độ nghiêm trọng trung bình, cần tập trung nguồn lực ứng phó, cần có khoảng thời gian khắc phục, khả năng nguy cơ phát tán gây ô nhiễm	Sự cố mức độ nghiêm trọng cao, nguồn lực nội bộ chưa thể đáp ứng, thời gian khắc phục kéo dài, khả năng nguy cơ phát tán gây ô nhiễm cao
		<ul style="list-style-type: none"> - Chất hấp thụ hay dịch thu gom chứa vào vật liệu phù hợp, lưu chứa trong khu chất thải nguy hại và bàn giao cho đơn vị xử lý chất thải nguy hại đúng theo quy định; - Sau khi thu gom hết hóa chất gây sự cố, tiến hành làm sạch hiện trường. Tuy nhiên, ứng với từng loại hóa chất và cách thức lưu trữ sẽ có phương thức ứng phó linh động và đảm bảo an toàn cũng như vệ sinh môi trường. 		
	Do quá trình pha hóa làm cháy tràn	---	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo quá trình an toàn lao động trong quá trình thu gom, trang bị quần áo bảo hộ, kiếng bảo hộ.... 	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo quá trình an toàn lao động trong quá trình thu gom, trang bị quần áo bảo hộ, kiếng bảo hộ.... - Nhanh chóng liên hệ với cơ quan chức năng khi có phát tán vào hệ thống thoát nước mưa hay hệ thống thu gom nước thải chung dẫn ra Kênh
Cháy, nổ, an toàn phòng cháy chữa cháy	Do hệ thống điện không an toàn	<p>Thực hiện các biện pháp ứng cứu sự cố như đã trình bày trong mục “Ứng phó sự cố cháy nổ, an toàn PCCC”</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dùng chất hấp thụ (cát, vải....) hoặc bơm hút/gào mức để ngăn chặn sự lan tràn của hóa chất/ dầu; - Sử dụng thiết bị trợ với loại hóa chất gây sự cố để thu gom tràn đổ; - Đảm bảo tuân thủ hoàn toàn an toàn quy định bảo hộ; - Chất hấp thụ hay dịch thu gom chứa vào vật liệu phù hợp, lưu chứa trong khu chất thải nguy hại và bàn giao cho đơn vị xử lý chất thải nguy hại đúng theo quy định; - Sau khi thu gom hết hóa chất gây sự cố, tiến hành làm sạch hiện trường. Tuy nhiên, ứng với từng loại hóa chất và cách thức lưu trữ sẽ có phương thức ứng phó linh động và đảm bảo an toàn cũng như vệ sinh môi trường. 		
		<ul style="list-style-type: none"> - Tạm thời giảm thiểu tối đa nước cấp không cần thiết để giảm thiểu lượng nước thải đến khi khắc phục xong sự cố; - Cao ốc văn phòng sẽ tạm ngưng đến khi hoàn thành việc khắc phục sửa chữa, đồng thời có báo cáo đến Phòng Tài nguyên và Môi trường để được hỗ trợ, hướng dẫn. 		

Biện pháp ứng phó các sự cố về chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Phát tán tại chỗ do rò rỉ thiết bị chứa, chiết rót... dẫn tới chất thải phát tán vào nền kho chứa thì ứng phó theo ứng phó sự cố hóa chất, tràn dầu;

- Phát tán cưỡng bức do kho chứa chất dễ cháy, nổ vì một số nguyên nhân dẫn tới cháy nổ thì ứng phó theo đúng Phương án phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ và phương án diễn tập định kỳ hàng năm đã được Cảnh sát PCCC & CNCH phê duyệt và ứng phó theo phương án ứng phó sự cố hóa chất, tràn dầu.

- Ngắt nguồn cấp điện gần khu phát sinh các khí độc ..., di tản nhân viên ra khu an toàn; Báo động các Cao ốc văn phòng hay khu dân cư lân cận sơ tán. Đồng thời liên hệ khẩn cấp cơ quan chức năng PCCC & CHCN

- Bảo đảm trang bị đầy đủ đồ bảo hộ an toàn theo sự hướng dẫn của cơ quan có chức năng tiến hành kiểm tra, tạm khóa chặn và cô lập nguồn phát tán;

- Nhưng sau quá trình xử lý sự cố, các chất thải nguy hại phải thu gom chứa vào vật liệu phù hợp, lưu chứa trong khu chất thải nguy hại và bàn giao cho đơn vị xử lý chất thải nguy hại đúng theo quy định.

- Kiểm tra lại sau sự cố, quan trắc đánh giá nồng độ chất độc dưới ngưỡng nguy hại, đảm bảo an toàn.

Biện pháp ứng phó các sự cố cháy, nổ, an toàn PCCC

- Tuân thủ theo đúng Phương án phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ và phương án diễn tập định kỳ hàng năm đã được Cảnh sát PCCC & CNCH phê duyệt;

- Bảo vệ tính mạng con người – Bảo vệ môi trường – Bảo vệ tài sản

- Nhưng sau quá trình xử lý sự cố, các chất thải nguy hại phải thu gom chứa vào vật liệu phù hợp, lưu chứa trong khu chất thải nguy hại và bàn giao cho đơn vị xử lý chất thải nguy hại đúng theo quy định.

- Ghi nhận hành động khắc phục vào hồ sơ, đánh giá lại quy trình để cải tiến / phòng ngừa tránh nguy cơ lặp lại sự cố.

Biện pháp ứng phó các sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất, tràn dầu

- Khi các loại hóa chất tràn đổ thực hiện ứng phó và khắc phục theo nguyên tắc như sau:

- Tuân thủ theo ứng phó sự cố hóa chất, tràn dầu.

- Bảo vệ tính mạng con người – Bảo vệ môi trường – Bảo vệ tài sản

- Sau khi thu gom hết hóa chất gây sự cố, tiến hành làm sạch hiện trường. Tuy nhiên, ứng với từng loại hóa chất và cách thức lưu trữ sẽ có phương thức ứng phó linh động và đảm bảo an toàn cũng như vệ sinh môi trường;

- Ghi nhận hành động khắc phục vào hồ sơ, đánh giá lại quy trình để cải tiến / phòng ngừa tránh nguy cơ lặp lại sự cố.

6.2. Sự cố môi trường và việc ứng phó và khắc phục sự cố môi trường xảy ra tại cơ sở

Trong quá trình hoạt động cao ốc văn phòng kể từ khi cơ sở được cấp phép thành lập cho đến nay, công tác phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường vẫn luôn được thực hiện tốt, chưa để xảy ra bất cứ sự cố nào tại cơ sở.

7. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường

Cơ sở không thuộc đối tượng khai thác khoáng sản nên báo cáo không đề cập đến nội dung này.

8. Các nội dung thay đổi so với Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (Thông báo số 59/TB-UBND ngày 10/5/2012 của UBND Quận 4 về việc chấp nhận đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án “Cao ốc văn phòng 58-60 Nguyễn Tất Thành”)

- Như đã trình bày tại các mục trên, Cơ sở đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của cơ sở, bao gồm: Công trình, biện pháp thu gom, thoát nước mưa; Công trình, biện pháp thu gom, xử lý và thoát nước thải; Công trình, biện pháp phòng ngừa giảm thiểu tác động bụi, khí thải; Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường; Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại; Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung; Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đã được UBND Quận 4 phê duyệt trong Thông báo số 59/TB-UBND ngày 10/5/2012 của UBND Quận 4 về việc chấp nhận đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án “Cao ốc văn phòng 58-60 Nguyễn Tất Thành”.

- So với Thông báo và nội dung Bản cam kết bảo vệ môi trường được chấp nhận đăng ký; nội dung các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của cơ sở trình bày trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường có cập nhật các tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật mới thay cho các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đã được bãi bỏ, thay thế như là:

+ QCVN 05:2023/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí thay cho QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

+ QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bụi – Giới hạn giá trị tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc và QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc thay cho Tiêu chuẩn Vệ sinh lao động ban hành theo Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/ 2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế;

+ Cập nhật phân loại chất thải rắn sinh hoạt và mã số chất thải nguy hại theo Luật BVMT năm 2020 thay cho Luật BVMT năm 2005.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

❖ **Nguồn phát sinh nước thải:**

- Số lượng: 1 nguồn phát sinh nước thải.
- Là Nước thải sinh hoạt, lưu lượng phát thải: 35 m³/ngày đêm.

❖ **Lưu lượng xả nước thải tối đa:**

- Lưu lượng xả nước thải tối đa theo ngày: 35 m³/ngày đêm.
- Lưu lượng xả nước thải tối đa theo giờ: 1,5 m³/h.
- Chế độ xả nước thải: 24h/24h.

❖ **Dòng nước thải:**

- Số lượng dòng nước thải: 1 dòng nước thải.
- Là: Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn được xả ra môi trường tiếp nhận của Trạm XLNT cơ sở công suất 35 m³/ngày đêm, lưu lượng dòng thải tối đa: 35 m³/ngày đêm;

❖ **Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:**

Bảng IV-1: Bảng thông số các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải của cơ sở

TT	Chất ô nhiễm	Giá trị ô nhiễm trước xử lý *	Giá trị giới hạn sau xử lý xả thải vào môi trường ** QCVN 14: 2008/BTNMT (cột B, K=1,2)
1	pH	6 - 8	5 - 9
2	BOD ₅ (mg/l)	110 ÷ 400	60
3	TSS (mg/l)	100 ÷ 350	120
4	Tổng chất rắn hòa tan (mg/l)	250 ÷ 850	1200
5	Sulfua (mg/l, tính theo H ₂ S)	0,5 ÷ 4	4,8
6	Amoni (mg/l, tính theo N)	12 ÷ 50	12
7	Nitrat (mg/l, tính theo N)	5 ÷ 60	60
8	Dầu mỡ động, thực vật (mg/l)	4 ÷ 35	24
9	Phosphat (mg/l, tính theo P)	4 ÷ 15	12
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt (mg/l)	4 ÷ 15	12
11	Tổng Coliform (MPN/100ml)	10 ⁶ ÷ 10 ⁹	5.000

Ghi chú:

* Theo hồ sơ thiết kế đầu tư xây dựng và Bản cam kết BVMT đã được chấp thuận của cơ sở;

** QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B, K = 1,2 (Mục 2, Bảng 2: Văn phòng quy mô diện tích sử dụng dưới 10.000m²).

❖ **Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:**

Nước thải của cơ sở là nước thải sinh hoạt phát sinh do nhu cầu sinh hoạt của khách hàng và nhân viên văn phòng trong quá trình lao động làm việc tại Cao ốc Văn phòng cơ sở với lưu lượng phát thải tối đa 35 m³/ngđ sẽ được xử lý đạt quy chuẩn môi trường hiện hành là QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B, K = 1,2 (Mục 2, Bảng 2: Văn phòng quy mô diện tích sử dụng dưới 10.000m²) trước xả thải vào nguồn tiếp nhận là cống thoát nước chung của Tp. Hồ Chí Minh tại hố ga hẻm 15 đường Đoàn Như Hải, Quận 4.

Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải xin được cấp phép như sau:

- Vị trí xả nước thải: Xả thải vào môi trường tiếp nhận cống thoát nước chung của Tp. Hồ Chí Minh tại hố ga hẻm 15 đường Đoàn Như Hải, Quận 4 tiếp giáp cơ sở. Tọa độ vị trí đầu nối thoát nước thải sau xử lý của cơ sở vào nguồn tiếp nhận: X = 1190732; Y = 604388 (VN-2000, 105⁰45', múi chiều 3⁰).

- Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý của Trạm XLNT cơ sở công suất 35m³/ngđ đạt quy chuẩn môi trường hiện hành là QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B, K = 1,2 theo đường ống bơm nước thải đầu ra là đường ống uPVC D60mm có áp, dài khoảng 5m dẫn thoát xả thải vào nguồn tiếp nhận bên ngoài là cống thoát nước chung của Tp. Hồ Chí Minh tại hố ga hẻm 15 đường Đoàn Như Hải, Quận 4.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Cống thoát nước chung của Tp. Hồ Chí Minh tại hố ga hẻm 15 đường Đoàn Như Hải, Quận 4 tiếp giáp cơ sở.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

❖ **Nguồn phát sinh khí thải:**

- Số lượng: 1 nguồn phát sinh khí thải.

- Là Khí thải máy phát điện dự phòng 900KVA khi vận hành để cấp điện cho hoạt động của Cao ốc văn phòng cơ sở khi điện lưới quốc gia bị cúp, lưu lượng phát thải: 3.784 ÷ 4.300m³/h. Tuy nhiên việc vận hành máy phát điện rất hiếm trong năm vì Cao ốc văn phòng dùng lưới điện Thành phố chủ yếu.

❖ **Lưu lượng xả khí thải tối đa:**

- Lưu lượng xả khí thải tối đa theo giờ: 4.300m³/h.

- Chế độ xả khí thải: không thường xuyên, chỉ phát thải khi điện lưới quốc gia bị cúp và cần vận hành máy phát điện dự phòng 900KVA để cấp điện cho hoạt động của Cao ốc văn phòng cơ sở.

❖ **Dòng khí thải:**

- Số lượng dòng khí thải: 1 dòng khí thải.

- Là Khí thải máy phát điện dự phòng 900KVA khi vận hành để cấp điện cho hoạt động của Cao ốc văn phòng cơ sở khi điện lưới quốc gia bị cúp, lưu lượng phát thải tối đa: 4.300m³/h.

❖ **Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:**

Bảng IV-2: Bảng thông số các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải của cơ sở

TT	Chất ô nhiễm	Giá trị ô nhiễm trước xử lý * (mg/Nm ³)	Giá trị giới hạn sau xử lý xả thải vào môi trường ** QCVN 19: 2009/BTNMT, cột B, K _p =1,0, K _v = 0,6 (mg/Nm ³)
1	Bụi	11,2 – 12,73	120
2	SO ₂	200,00 – 227,27	300
3	NO _x	113,60 – 129,09	510
4	SO ₃	2,80 – 3,18	30
5	CO	28,40 – 32,27	600
6	VOC	1,40 – 1,59	-

Ghi chú:

* Theo hồ sơ thiết kế đầu tư xây dựng và Bản cam kết BVMT đã được chấp thuận của cơ sở;

** QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B, K_p = 1 đối với lưu lượng nhỏ hơn 20.000m³/h, K_v = 0,6 cho khu vực nội thành đô thị loại đặc biệt, loại I.

❖ **Vị trí, phương thức xả khí thải:**

Vị trí, phương thức xả khí thải xin được cấp phép như sau:

- Vị trí xả khí thải: Xả thải vào môi trường không khí tại tầng sân thượng của Tòa nhà văn phòng cơ sở. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1190737; Y = 604394 (VN-2000, 105⁰45', múi chiếu 3⁰).

- Phương thức xả khí thải: Theo hệ thống thoát khí từ máy phát điện dự phòng tại tầng hầm tòa nhà thoát lên tầng sân thượng, bao gồm: giá đỡ ống khói thép U100; cùm ống khói inox dày 3mm; ống khói Inox D250 x 3mm; nón che mưa đỉnh ống khói Inox D600 x 3mm, xả thải ra môi trường không khí bên ngoài.

- Nguồn tiếp nhận khí thải: Môi trường không khí tại tầng sân thượng của Cao ốc văn phòng Tổng Công ty.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

+ Tiếng ồn, độ rung do hoạt động của máy phát điện dự phòng;

+ Tiếng ồn, độ rung do hoạt động của các máy móc thiết bị văn phòng.

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: thuộc khuôn viên cơ sở tại khu vực đặt máy móc thiết bị.

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	
1	70	55	Khu vực thông thường

+ Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

4. Nội dung đề nghị cấp phép khác

Không có

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Cơ sở đã thực hiện quan trắc môi trường đối với nước thải trong năm 2023, đồng thời lập và nộp Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023 theo đúng Bản cam kết bảo vệ môi trường đã được chấp nhận và Luật BVMT năm 2020 hiện hành với kết quả đạt được như sau:

- Thời gian và tần suất quan trắc:

TT	Nội dung thực hiện	Các đợt quan trắc trong năm	
		Đợt 1	Đợt 2
1	Thời gian quan trắc	lúc 9 ^h 00	lúc 9 ^h 00
		trong thời gian cơ sở hoạt động và phát sinh nước thải trong ngày	
2	Tần suất quan trắc	ngày 13/6/2023	ngày 05/12/2023
		2 lần/năm (6 tháng/lần) vào tháng 6 và 12	
3	Điều kiện khí hậu thời điểm lấy mẫu	Trời nắng, gió nhẹ	Trời quang, nắng dịu, gió nhẹ

- Vị trí các điểm quan trắc: 1 vị trí

TT	Vị trí quan trắc	Tọa độ vị trí lấy mẫu	
		Kinh vĩ độ	VN-2000
1	Tại vòi lấy mẫu sau Trạm xử lý nước thải (NT01)	Kinh độ: 106.70216; Vĩ độ: 10.76463	X = 1190738; Y = 604393

- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc trong năm: 02 mẫu.

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B, K = 1,2.

- Đơn vị thực hiện quan trắc:

TT	Nội dung	Các đợt quan trắc trong năm	
		Đợt 1	Đợt 2
1	Tên Đơn vị thực hiện quan trắc	Trung Tâm Phân Tích và Đo Đạc Môi Trường Phương Nam	Trung Tâm Phân Tích và Đo Đạc Môi Trường Phương Nam
2	Số	075	075

	Vimcerts	
--	----------	--

- Kết quả mẫu quan trắc so với quy chuẩn:

TT	Nội dung	Các đợt quan trắc trong năm	
		Đợt 1	Đợt 2
1	Chỉ tiêu quan trắc	Lưu lượng, pH, BOD ₅ , TSS, TDS, dầu mỡ động thực vật, sunfua, amoni, chất hoạt động bề mặt, photphat, nitrat và Coliform	
2	Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng	QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B, K = 1,2	QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B, K = 1,2
3	Nhận xét kết quả mẫu quan trắc	Chỉ tiêu quan trắc đều nằm trong giới hạn của QCVN	Chỉ tiêu quan trắc đều nằm trong giới hạn của QCVN

- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn: Không có.

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

Cơ sở đã thực hiện quan trắc môi trường đối với bụi, khí thải trong năm 2023, đồng thời lập và nộp Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023 theo đúng Bản cam kết bảo vệ môi trường đã được chấp nhận và Luật BVMT năm 2020 hiện hành với kết quả đạt được như sau:

- Thời gian và tần suất quan trắc:

TT	Nội dung thực hiện	Các đợt quan trắc trong năm	
		Đợt 1	Đợt 2
1	Thời gian quan trắc	lúc 9 ^h 00	lúc 9 ^h 00
		trong thời gian máy phát điện dự phòng hoạt động và phát sinh khói thải	
2	Tần suất quan trắc	ngày 13/6/2023	ngày 05/12/2023
		2 lần/năm (6 tháng/lần) vào tháng 6 và 12	
3	Điều kiện khí hậu thời điểm lấy mẫu	Trời nắng, gió nhẹ	Trời quang, nắng dịu, gió nhẹ

- Vị trí các điểm quan trắc: 1 vị trí

TT	Vị trí quan trắc	Tọa độ vị trí lấy mẫu	
		Kinh vĩ độ	VN-2000

1	Khí thải từ máy phát điện dự phòng (KT01)	Kinh độ: 106.70215; Vĩ độ: 10.76463	X = 1190737; Y = 604394
---	---	--	----------------------------

- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc trong năm: 02 mẫu.
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B , Kp = 1, Kv = 0,6
- Đơn vị thực hiện quan trắc:

TT	Nội dung	Các đợt quan trắc trong năm	
		Đợt 1	Đợt 2
1	Tên Đơn vị thực hiện quan trắc	Trung Tâm Phân Tích và Đo Đạc Môi Trường Phương Nam	Trung Tâm Phân Tích và Đo Đạc Môi Trường Phương Nam
2	Số Vimcerts	075	075

- Kết quả mẫu quan trắc so với quy chuẩn:

TT	Nội dung	Các đợt quan trắc trong năm	
		Đợt 1	Đợt 2
1	Chỉ tiêu quan trắc	Lưu lượng, bụi tổng, SO ₂ , NO _x , và CO	
2	Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng	QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B , Kp = 1, Kv = 0,6	QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B , Kp = 1, Kv = 0,6
3	Nhận xét kết quả mẫu quan trắc	Chỉ tiêu quan trắc đều nằm trong giới hạn của QCVN	Chỉ tiêu quan trắc đều nằm trong giới hạn của QCVN

- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn: Không có.

(Các kết quả phân tích mẫu nước thải, khí thải đính kèm tại phụ lục báo cáo)

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở theo Bản cam kết bảo vệ môi trường đã được chấp nhận, chủ cơ sở đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động xin cấp Giấy phép môi trường theo Luật BVMT năm 2020 hiện hành, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Các công trình xử lý chất thải của cơ sở như trình bày tại chương III thuộc công trình xử lý chất thải không phải thực hiện vận hành thử nghiệm căn cứ quy định tại điểm c, d và g, Khoản 1, Điều 31, Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

2. Chương trình quan trắc chất thải

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

2.1.1. Quan trắc nước thải

Cơ sở phát sinh nước thải sinh hoạt với lưu lượng thải $35\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ nên theo quy định tại Điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 thì không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ.

2.1.2. Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp

Cơ sở phát sinh khói thải máy phát điện dự phòng khi điện lưới quốc gia bị cúp và vận hành máy phát điện dự phòng để cấp điện cho hoạt động của cơ sở nên theo quy định tại Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 thì không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc bụi, khí thải công nghiệp định kỳ.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

2.2.1. Quan trắc nước thải

Cơ sở phát sinh nước thải sinh hoạt với lưu lượng thải $35\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ nên theo quy định tại Điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 thì không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục.

2.2.2. Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp

Cơ sở phát sinh khói thải máy phát điện dự phòng khi điện lưới quốc gia bị cúp và vận hành máy phát điện dự phòng để cấp điện cho hoạt động của cơ sở nên theo quy định tại Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 thì không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc bụi, khí thải công nghiệp tự động, liên tục.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

Không có.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm cho cơ sở khoảng 20.000.000 đồng, cụ thể như trong bảng sau:

Bảng VI-1: Dự toán Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường cơ sở hằng năm

TT	Hạng mục chi phí	ĐVT	Số lượng	Đơn giá 1000đ	Thành tiền 1000đ
I	Quan trắc nước thải (không có)		0	0	0
II	Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp		0	0	0
III	Viết báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm	Cuốn	1	20.000 (tạm tính)	20.000
TỔNG CỘNG					20.000

CHƯƠNG VII KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Bảng VII-1: Bảng tổng hợp kết quả kiểm tra, thanh tra đối với cơ sở trong 02 năm gần nhất (2022-2023)

Năm	Loại Biên bản kiểm tra, thanh tra	Ngày kiểm tra, thanh tra	Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường	
			Vi phạm về bảo vệ môi trường	Kết quả công tác bảo vệ môi trường đạt được/Kết quả khắc phục vi phạm
2022			Không có	
2023			Không có	

CHƯƠNG VIII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Chủ cơ sở cam kết về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu được nêu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Chủ cơ sở cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan, cụ thể:

- Cam kết sẽ phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý môi trường ở các cấp nhằm thực hiện tốt nhất công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cơ sở hoạt động. Các yếu tố môi trường tự nhiên về căn bản sẽ được đảm bảo trong giới hạn cho phép theo các Tiêu chuẩn Việt Nam và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện đang có hiệu lực.

- Cam kết tuân thủ luật pháp về tiếng ồn, ô nhiễm không khí, rung động, ô nhiễm nước, xử lý chất thải rắn, chất thải lỏng và các điều kiện vệ sinh khác.

- Cam kết cung cấp đầy đủ và kịp thời kinh phí cho công tác BVMT.

- Cam kết thường xuyên giải quyết, theo dõi diễn biến, sự cố, khiếu nại liên quan đến môi trường để có giải pháp giải quyết kịp thời.

- Cam kết về đền bù khắc phục ô nhiễm môi trường các sự cố môi trường trong trường hợp các rủi ro sự cố môi trường xảy ra do hoạt động của cơ sở.

- Cam kết thực hiện Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và chương trình quan trắc môi trường của cơ sở đã đề xuất và được phê duyệt tại nội dung chương VI của báo cáo.

- Cam kết xử lý nước thải như trình bày tại chương III và V của báo cáo.

- Cam kết sẽ quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường phát sinh tại cơ sở theo đúng quy định pháp luật.

- Cam kết xử lý chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở theo đúng quy định pháp luật.

- Cam kết thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo đúng quy định của Luật BVMT năm 2020./.